BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2024-2025
Tuần 9: Từ 23/09 Đến 29/09/2024

LỚP			62CCT1	62CĐC1	62CĐH1	62CĐL1	62CĐT1	62CGK1	62CKT1	62CQM1	62CS1	62CS2	62TCĐC1	62TCĐL1	62TCĐT1	62TCGK1	62TCKT1	62TCQM1	62TCS1	62TVCT1	62TVĐC10_YL
THỨ	BUỔI	TIẾT																			
Thứ 2 23/09	Sáng	1	Bảo trì các thành phần của hệ thống thiết bị đo lường, điều khiển Lê Kiên Cường (X22.203)	Điều khiển điện - khí nén Đỗ Tiến Phong (X23.207.Phòng học Điều khiển lập trình)				Phay CNC Bùi Thị Len (X10.101_PHLT Khoa CK)		An toàn mạng Nguyễn Tuấn Hưng (H3.211_TH Tin Đại cương)	Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 3 Lê Ngọc Viện (X11.206.PHÒNG HỌC BÔI TRƠN - LÁM MÁT+ SẢNH TẦNG 2)				Vật lý 3 Phạm Thanh Mai (H5.101)	Vật lý 3 Phạm Thanh Mai (H5.101)					
		2													Hóa học 3 Trịnh Thị Phong Lan (H5.101)	Hóa học 3 Trịnh Thị Phong Lan (H5.101)					
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6											Toán 3 Nguyễn Văn Trường (H5.102)				Toán 3 Nguyễn Văn Trường (H5.102)				
		7		Điều khiển điện - khí nén Đỗ Tiến Phong (X23.207.Phòng học Điều khiển lập trình)	Mạng truyền thông công nghiệp Nguyễn Văn Tĩnh (X23.204.Phòng học Khí nén + Thủy lực)	Hệ thống máy lạnh công nghiệp nâng cao Nguyễn Tiến Nghĩa (X22.307)	Lập trình điều khiển thiết bị ngoại vi Phạm Duy Quyết (X22.103)	Phay CNC Bùi Thị Len (X10.101_PHLT Khoa CK)	Phân tích hoạt động kinh doanh Trần Huy Quảng (H3.208)			Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 3 Phạm Ngọc Anh (X11.305_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)		Vật lý 3 Nguyễn Hoài Anh (H5.103)	PLC cơ bản Lê Trung Thịnh (X22.109)				Toán 3 Nguyễn Thị Huyền (H5.104)	Vật lý 3 Nguyễn Hoài Anh (H5.103)		
		8											Ngữ văn 3 Lê Thị Tố Quyên (H5.102)				Ngữ văn 3 Lê Thị Tố Quyên (H5.102)				
		9												Toán 3 Kim Thành Nam (H5.103)					Toán 3 Kim Thành Nam (H5.103)		
		10																			
Thứ 3 24/09	Sáng	1	Bảo trì các thành phần của hệ thống thiết bị đo lường, điều khiển Lê Kiên Cường (X22.203)	Điều khiển điện - khí nén Đỗ Tiến Phong (X23.207.Phòng học Điều khiển lập trình)				Phay CNC Bùi Thị Len (X10.101_PHLT Khoa CK)		An toàn mạng Nguyễn Tuấn Hưng (H3.211_TH Tin Đại cương)	Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 3 Lê Ngọc Viện (X11.206.PHÒNG HỌC BÔI TRƠN - LÁM MÁT+ SẢNH TẦNG 2)				Ngữ văn 3 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.101)	Ngữ văn 3 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.101)					
		2																			
		3													Vật lý 3 Phạm Thanh Mai (H5.101)	Vật lý 3 Phạm Thanh Mai (H5.101)					
		4													Toán 3 Nguyễn Tiến Hiển (H5.101)	Toán 3 Nguyễn Tiến Hiển (H5.101)					
		5																			
	Chiều	6											Vật lý 3 Chu Thị Tính (H5.102)				Vật lý 3 Chu Thị Tính (H5.102)				
		7		Điều khiển điện - khí nén Đỗ Tiến Phong (X23.207.Phòng học Điều khiển lập trình)	Mạng truyền thông công nghiệp Nguyễn Văn Tĩnh (X23.204.Phòng học Khí nén + Thủy lực)	Hệ thống máy lạnh công nghiệp nâng cao Nguyễn Tiến Nghĩa (X22.307)	Lập trình điều khiển thiết bị ngoại vi Phạm Duy Quyết (X22.103)					Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 3 Phạm Ngọc Anh (X11.305_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)		Ngữ văn 3 Trần Thị Kim Liên (H5.103)	PLC cơ bản Lê Trung Thịnh (X22.109)				Hóa học 3 Nguyễn Thu Trang (H5.104)	Ngữ văn 3 Trần Thị Kim Liên (H5.103)		
		8											Ngữ văn 3 Lê Thị Tố Quyên (H5.102)				Ngữ văn 3 Lê Thị Tố Quyên (H5.102)				
		9																Toán 3 Nguyễn Thị Huyền (H5.104)			
		10											Vật lý 3 Chu Thị Tính (H5.102)				Vật lý 3 Chu Thị Tính (H5.102)				
Thứ 4 25/09	Sáng	1	Bảo trì các thành phần của hệ thống thiết bị đo lường, điều khiển Lê Kiên Cường (X22.203)	Điều khiển điện - khí nén Đỗ Tiến Phong (X23.207.Phòng học Điều khiển lập trình)					Phân tích hoạt động kinh doanh Trần Huy Quảng (H3.106)		Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 3 Lê Ngọc Viện (X11.206.PHÒNG HỌC BÔI TRƠN - LÁM MÁT+ SẢNH TẦNG 2)				Ngữ văn 3 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.101)	Ngữ văn 3 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.101)					
		2																			
		3																			
		4													Vật lý 3 Phạm Thanh Mai (H5.101)	Vật lý 3 Phạm Thanh Mai (H5.101)					
		5																			
	Chiều	6		Điều khiển điện - khí nén Đỗ Tiến Phong (X23.207.Phòng học Điều khiển lập trình)	Mạng truyền thông công nghiệp Nguyễn Văn Tĩnh (X23.204.Phòng học Khí nén + Thủy lực)	Hệ thống máy lạnh công nghiệp nâng cao Nguyễn Tiến Nghĩa (X22.307)		Phay CNC Bùi Thị Len (X10.101_PHLT Khoa CK)		Cấu hình và quản trị thiết bị mạng Lê Xuân Chung (H3.211_TH Tin Đại cương)		Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 3 Phạm Ngọc Anh (X11.305_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)	Toán 3 Nguyễn Văn Trường (H5.102)	Toán 3 Kim Thành Nam (H5.103)	Ktra: Thiết kế mạch bằng máy tính-1-1-2024(N01) Phạm Đức Tùng (...)		Toán 3 Nguyễn Văn Trường (H5.102)	Ngữ văn 3 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.104)	Toán 3 Kim Thành Nam (H5.103)		
		7																			
		8																			
		9																			
		10																			

LỚP			62CCT1	62CĐC1	62CĐH1	62CĐL1	62CĐT1	62CGK1	62CKT1	62CQM1	62CS1	62CS2	62TCĐC1	62TCĐL1	62TCĐT1	62TCGK1	62TCKT1	62TCQM1	62TCS1	62TVCT1	62TVĐC10_YL
THỨ	BUỔI	TIẾT																			
Thứ 5 26/09	Sáng	1	Bảo trì các thành phần của hệ thống thiết bị đo lường, điều khiển Lê Kiên Cường (X22.203)	Điều khiển điện - khí nén Đỗ Tiến Phong (X23.207.Phòng học Điều khiển lập trình)							Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 3 Lê Ngọc Viện (X11.206.PHÒNG HỌC BÔI TRƠN - LÁM MÁT+ SẢNH TẦNG 2)				Toán 3 Nguyễn Tiến Hiển (H5.101)	Toán 3 Nguyễn Tiến Hiển (H5.101)					
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6			Mạng truyền thông công nghiệp Nguyễn Văn Tĩnh (X23.204.Phòng học Khí nén + Thủy lực)	Hệ thống máy lạnh công nghiệp nâng cao Nguyễn Tiến Nghĩa (X22.307)		Phay CNC Bùi Thị Len (X10.101_PHLT Khoa CK)	Phân tích hoạt động kinh doanh Trần Huy Quảng (H3.207)	Cấu hình và quản trị thiết bị mạng Lê Xuân Chung (H3.211_TH Tin Đại cương)			Vật lý 3 Chu Thị Tĩnh (H5.102)	Vật lý 3 Nguyễn Hoài Anh (H5.103)	Ktra: PLC cơ bản-1-1-2024(N02) Lê Trung Thịnh (...)		Vật lý 3 Chu Thị Tĩnh (H5.102)	Hóa học 3 Nguyễn Thu Trang (H5.104)	Vật lý 3 Nguyễn Hoài Anh (H5.103)		
		7																			
		8											Hóa học 3 Nguyễn Thị Tuyến (H5.102)	Hóa học 3 Trần Thị Hằng (H5.103)			Hóa học 3 Nguyễn Thị Tuyến (H5.102)	Vật lý 3 Nguyễn Hoài Anh (H5.104)	Hóa học 3 Trần Thị Hằng (H5.103)		
		9																			
		10																			
Thứ 6 27/09	Sáng	1	Bảo trì các thành phần của hệ thống thiết bị đo lường, điều khiển Lê Kiên Cường (X22.203)	Điều khiển điện - khí nén Đỗ Tiến Phong (X23.207.Phòng học Điều khiển lập trình)							Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 3 Lê Ngọc Viện (X11.206.PHÒNG HỌC BÔI TRƠN - LÁM MÁT+ SẢNH TẦNG 2)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 3 Phạm Ngọc Anh (X11.305.Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)									
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6			Mạng truyền thông công nghiệp Nguyễn Văn Tĩnh (X23.204.Phòng học Khí nén + Thủy lực)	Hệ thống máy lạnh công nghiệp nâng cao Nguyễn Tiến Nghĩa (X22.307)		Phay CNC Bùi Thị Len (X10.101_PHLT Khoa CK)	Phân tích hoạt động kinh doanh Trần Huy Quảng (H3.207)	Cấu hình và quản trị thiết bị mạng Lê Xuân Chung (H3.211_TH Tin Đại cương)											
		7																			
		8																			
		9																			
		10																			
Thứ 7 28/09	Sáng	1																			
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6																			
		7																			
		8																			
		9																			
		10																			

BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2024-2025

Tuần 9: Từ 23/09 Đến 29/09/2024

LỚP			62TVĐC1	62TVĐC2	62TVĐC3	62TVĐC4	62TVĐC5_BX	62TVĐC6_BX	62TVĐC7_YL	62TVĐC8_YL	62TVĐC9_YL	62TVĐH1_YL	62TVĐH2_YL	62TVĐL1	62TVĐL2	62TVĐL3	62TVĐL4_VT	62TVĐT1	62TVĐT2	62TVĐT3	62TVĐT4_VT
THỨ	**BUỔI**	**TIẾT**																			
Thứ 2 23/09	**Sáng**	1	CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.202)	CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.202)		**LĐ**									CCĐ Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.106)	Hoá học 12_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.404)			CCĐ Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.106)	Hoá học 12_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.404)	
		2	Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.202)	Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.202)											Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.106)	Vật lí 12_1 Phạm Thanh Mai (H5.404)			Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.106)	Vật lí 12_1 Phạm Thanh Mai (H5.404)	
		3													Toán 12_1 Nguyễn Văn Trường (H5.106)	CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.404)			Toán 12_1 Nguyễn Văn Trường (H5.106)	CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.404)	
		4	Toán 12_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.202)	Toán 12_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.202)											Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.106)	Toán 12_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.404)			Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.106)	Toán 12_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.404)	
		5																			
	Chiều	6			Toán 12_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.401)	Toán 12_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.401)								Ngữ văn 12_1 Trần Thị Kim Liên (H5.403)				Ngữ văn 12_1 Trần Thị Kim Liên (H5.403)			
		7												CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.403)				CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.403)			
		8			Hoá học 12_1 Trần Thị Hằng (H5.401)	Hoá học 12_1 Trần Thị Hằng (H5.401)								Toán 12_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.403)				Toán 12_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.403)			
		9			Sinh học 12_1 Lê Thị Thảo (H5.401)	Sinh học 12_1 Lê Thị Thảo (H5.401)															
		10																			
Thứ 3 24/09	**Sáng**	1													Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.202)	Vật lí 12_1 Phạm Thanh Mai (H5.404)			Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.202)	Vật lí 12_1 Phạm Thanh Mai (H5.404)	
		2													Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.202)	CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.404)			Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.202)	CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.404)	
		3													CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Văn Trường (H5.202)	Toán 12_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.404)			CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Văn Trường (H5.202)	Toán 12_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.404)	
		4													Vật lí 12_1 Nguyễn Thị Vân (H5.202)	Sinh học 12_1 Lê Thị Thảo (H5.404)			Vật lí 12_1 Nguyễn Thị Vân (H5.202)	Sinh học 12_1 Lê Thị Thảo (H5.404)	
		5																			
	Chiều	6	Địa lí 12_1 Nguyễn Thị Ái Vân (H5.406)	Địa lí 12_1 Nguyễn Thị Ái Vân (H5.406)	CCĐ Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.401)	CCĐ Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.401)								CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.403)				CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.403)			
		7																			
		8	CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.406)	CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.406)	Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.401)	Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.401)								Địa lí 12_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.403)				Địa lí 12_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.403)			
		9												Sinh học 12_1 Lê Thị Thảo (H5.403)				Sinh học 12_1 Lê Thị Thảo (H5.403)			
		10			Hoá học 12_1 Trần Thị Hằng (H5.401)	Hoá học 12_1 Trần Thị Hằng (H5.401)															
Thứ 4 25/09	**Sáng**	1	Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.202)	Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.202)										**LĐ**							
		2														Địa lí 12_1 Dương Thị Hồng (H5.404)				Địa lí 12_1 Dương Thị Hồng (H5.404)	
		3	Vật lí 12_1 Phạm Thanh Mai (H5.202)	Vật lí 12_1 Phạm Thanh Mai (H5.202)																	
		4	Toán 12_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.202)	Toán 12_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.202)												Ngữ văn 12_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.404)				Ngữ văn 12_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.404)	
		5	CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.202)	CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.202)																	
	Chiều	6			Vật lí 12_1 Chu Thị Tính (H5.401)	Vật lí 12_1 Chu Thị Tính (H5.401)								Hoá học 12_1 Nguyễn Thu Trang (H5.403)	CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.406)			Hoá học 12_1 Nguyễn Thu Trang (H5.403)	CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.406)		
		7													Địa lí 12_1 Dương Thị Hồng (H5.406)				Địa lí 12_1 Dương Thị Hồng (H5.406)		
		8			Địa lí 12_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.401)	Địa lí 12_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.401)								Ngữ văn 12_1 Trần Thị Kim Liên (H5.403)				Ngữ văn 12_1 Trần Thị Kim Liên (H5.403)			
		9													Hoá học 12_1 Trần Thị Hằng (H5.406)				Hoá học 12_1 Trần Thị Hằng (H5.406)		
		10												Địa lí 12_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.403)				Địa lí 12_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.403)			

LỚP			62TVĐC1	62TVĐC2	62TVĐC3	62TVĐC4	62TVĐC5_BX	62TVĐC6_BX	62TVĐC7_YL	62TVĐC8_YL	62TVĐC9_YL	62TVĐH1_YL	62TVĐH2_YL	62TVĐL1	62TVĐL2	62TVĐL3	62TVĐL4_VT	62TVĐT1	62TVĐT2	62TVĐT3	62TVĐT4_VT
THỨ	BUỔI	TIẾT																			
Thứ 5 26/09	Sáng	1	Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.202)	Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.202)											LĐ	CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.404)				CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.404)	
		2	Vật lí 12_1 Phạm Thanh Mai (H5.202)	Vật lí 12_1 Phạm Thanh Mai (H5.202)																	
		3	Hoá học 12_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.202)	Hoá học 12_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.202)												Ngữ văn 12_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.404)				Ngữ văn 12_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.404)	
		4														CCĐ Ngữ văn 12_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.404)				CCĐ Ngữ văn 12_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.404)	
		5	CCĐ Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.202)	CCĐ Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.202)												Hoá học 12_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.404)				Hoá học 12_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.404)	
	Chiều	6			Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.401)	Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.401)								Toán 12_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.403)	Hoá học 12_1 Trần Thị Hằng (H5.406)			Toán 12_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.403)	Hoá học 12_1 Trần Thị Hằng (H5.406)	
		7			CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.401)	CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.401)								CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.403)	Toán 12_1 Nguyễn Văn Trường (H5.406)			CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.403)	Toán 12_1 Nguyễn Văn Trường (H5.406)	
		8			CCĐ Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.401)	CCĐ Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.401)								CCĐ Ngữ văn 12_1 Trần Thị Kim Liên (H5.403)				CCĐ Ngữ văn 12_1 Trần Thị Kim Liên (H5.403)		
		9			CCĐ Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.401)	CCĐ Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.401)								Vật lí 12_1 Chu Thị Tĩnh (H5.403)	CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.406)			Vật lí 12_1 Chu Thị Tĩnh (H5.403)	CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.406)	
		10			Toán 12_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.401)	Toán 12_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.401)															
Thứ 6 27/09	Sáng	1																			
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6	HĐTNHN Phạm Thanh Mai (H5.202)	HĐTNHN Phạm Thanh Mai (H5.202)	HĐTNHN Lê Thị Thảo (H5.401)	HĐTNHN Lê Thị Thảo (H5.401)								HĐTNHN Chu Thị Tĩnh (H5.403)	HĐTNHN Lưu Thị Thuỷ (H5.201)	HĐTNHN Lê Thị Tố Quyên (H5.404)		HĐTNHN Chu Thị Tĩnh (H5.403)	HĐTNHN Lưu Thị Thuỷ (H5.201)	HĐTNHN Lê Thị Tố Quyên (H5.404)	
		7																			
		8																			
		9																			
		10																			
Thứ 7 28/09	Sáng	1																			
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6																			
		7																			
		8																			
		9																			
		10																			

BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2024-2025
Tuần 9: Từ 23/09 Đến 29/09/2024

LỚP			62TVĐT5_VT	62TVĐT6_VT	62TVGK1	62TVHA1_LT	62TVHA2_LT	62TVKT1	62TVKT2	62TVKT3	62TVKT4_LT	62TVKT5_LT	62TVLG1	62TVLG2	62TVMT1	62TVMT2_BX	62TVMT3_BX	62TVQM1	62TVQM2	62TVQM3	62TVS1
THỨ	**BUỔI**	**TIẾT**																			
Thứ 2 23/09	**Sáng**	1																CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.406)	Hoá học 12_1 Trần Thị Hằng (H5.407)		
		2																			
		3																CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.406)	Toán 12_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.407)		
		4																Toán 12_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.406)	Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.407)		
		5																			
	Chiều	6			Địa lí 12_1 Khổng Thị An Giang (H5.402)			CCĐ Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.204)	CCĐ Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.204)	Vật lí 12_1 Chu Thị Tính (H5.101)			Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.406)	Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.406)	Vật lí 12_1 Chu Thị Tính (H5.101)					Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.407)	Địa lí 12_1 Khổng Thị An Giang (H5.402)
		7																			
		8			CCĐ Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.402)			Sinh học 12_1 Lê Thị Thảo (H5.204)	Sinh học 12_1 Lê Thị Thảo (H5.204)	CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Văn Trường (H5.101)			Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.406)	Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.406)	CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Văn Trường (H5.101)					Địa lí 12_1 Khổng Thị An Giang (H5.407)	CCĐ Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.402)
		9						Vật lí 12_1 Nguyễn Hoài Anh (H5.204)	Vật lí 12_1 Nguyễn Hoài Anh (H5.204)	Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.101)					Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.101)					
		10			Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.402)								Địa lí 12_1 Khổng Thị An Giang (H5.406)	Địa lí 12_1 Khổng Thị An Giang (H5.406)							Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.402)
Thứ 3 24/09	**Sáng**	1								Địa lí 12_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.103)			Hoá học 12_1 Nguyễn Thu Trang (H5.106)	Hoá học 12_1 Nguyễn Thu Trang (H5.106)	Địa lí 12_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.103)			Địa lí 12_1 Nguyễn Thị Ái Vân (H5.406)		Toán 12_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.407)	
		2								CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.103)					CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.103)						
		3								CCĐ Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.103)			Toán 12_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.106)	Toán 12_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.106)	CCĐ Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.103)			Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.406)		CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.407)	
		4								Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.103)					Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.103)					Hoá học 12_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.407)	
		5																Vật lí 12_1 Phạm Thanh Mai (H5.406)			
	Chiều	6			Toán 12_1 Kim Thành Nam (H5.402)			Ngữ văn 12_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)	Ngữ văn 12_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)										Vật lí 12_1 Nguyễn Hoài Anh (H5.407)		Toán 12_1 Kim Thành Nam (H5.402)
		7																	Toán 12_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.407)		
		8			CCĐ Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.402)			Sinh học 12_1 Lê Thị Thảo (H5.204)	Sinh học 12_1 Lê Thị Thảo (H5.204)												CCĐ Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.402)
		9			Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.402)			Toán 12_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	Toán 12_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)										Vật lí 12_1 Nguyễn Hoài Anh (H5.407)		Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.402)
		10																	CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.407)		
Thứ 4 25/09	**Sáng**	1								Hoá học 12_1 Nguyễn Thu Trang (H5.104)					Hoá học 12_1 Nguyễn Thu Trang (H5.104)			Hoá học 12_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.406)	Địa lí 12_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.407)		
		2																			
		3								Địa lí 12_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.104)					Địa lí 12_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.104)			CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.406)	CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.407)		
		4								CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.104)					CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.104)			Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.406)	CCĐ Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.407)		
		5																CCĐ Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.406)	Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.407)		
	Chiều	6			Vật lí 12_1 Nguyễn Hoài Anh (H5.402)			Ngữ văn 12_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)	Ngữ văn 12_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)				CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.101)	CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.101)						Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.407)	Vật lí 12_1 Nguyễn Hoài Anh (H5.402)
		7						Hoá học 12_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	Hoá học 12_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)												
		8			Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.402)								Địa lí 12_1 Khổng Thị An Giang (H5.101)	Địa lí 12_1 Khổng Thị An Giang (H5.101)					Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.407)		Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.402)
		9						CCĐ Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.204)	CCĐ Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.204)				Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.101)	Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.101)						CCĐ Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.407)	
		10											CCĐ Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.101)	CCĐ Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.101)						CCĐ Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.407)	

LỚP			62TVĐT5_VT	62TVĐT6_VT	62TVGK1	62TVHA1_LT	62TVHA2_LT	62TVKT1	62TVKT2	62TVKT3	62TVKT4_LT	62TVKT5_LT	62TVLG1	62TVLG2	62TVMT1	62TVMT2_BX	62TVMT3_BX	62TVQM1	62TVQM2	62TVQM3	62TVS1
THỨ	BUỔI	TIẾT																			
Thứ 5 26/09	Sáng	1											Toán 12_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.106)	Toán 12_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.106)				Sinh học 12_1 Lê Thị Thảo (H5.406)		Toán 12_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.407)	
		2											CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.106)	CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.106)					Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.104)	Vật lí 12_1 Nguyễn Thị Vân (H5.407)	
		3											CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.106)	CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.106)				Vật lí 12_1 Phạm Thanh Mai (H5.406)			
		4											Vật lí 12_1 Phạm Thanh Mai (H5.106)	Vật lí 12_1 Phạm Thanh Mai (H5.106)				Toán 12_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.406)	CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.104)	CCĐ Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.407)	
		5																			
	Chiều	6			CCĐ Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.402)			CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	Toán 12_1 Nguyễn Văn Trường (H5.101)					Toán 12_1 Nguyễn Văn Trường (H5.101)						CCĐ Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.402)
		7			Hoá học 12_1 Nguyễn Thu Trang (H5.402)			Toán 12_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	Toán 12_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.101)					Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.101)						Hoá học 12_1 Nguyễn Thu Trang (H5.402)
		8						CCĐ Ngữ văn 12_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)	CCĐ Ngữ văn 12_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)												
		9			Toán 12_1 Kim Thành Nam (H5.402)			Địa lí 12_1 Dương Thị Hồng (H5.204)	Địa lí 12_1 Dương Thị Hồng (H5.204)	Toán 12_1 Nguyễn Văn Trường (H5.101)					Toán 12_1 Nguyễn Văn Trường (H5.101)						Toán 12_1 Kim Thành Nam (H5.402)
		10			CCĐ Toán học 12_1 Kim Thành Nam (H5.402)																CCĐ Toán học 12_1 Kim Thành Nam (H5.402)
Thứ 6 27/09	Sáng	1																			
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6			HĐTNHN Nguyễn Hoài Anh (H5.402)			HĐTNHN Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	HĐTNHN Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	HĐTNHN Nguyễn Thuý Ngọc (H5.301)			HĐTNHN Nguyễn Thị Huyền (H5.203)	HĐTNHN Nguyễn Thị Huyền (H5.203)	HĐTNHN Nguyễn Thuý Ngọc (H5.301)			HĐTNHN Nguyễn Quốc Khánh (H5.406)	HĐTNHN Trần Thị Hằng (H5.302)	HĐTNHN Lê Thị Quyên (H5.407)	HĐTNHN Nguyễn Hoài Anh (H5.402)
		7																			
		8																			
		9																			
		10																			
Thứ 7 28/09	Sáng	1														Sửa chữa máy in Hoàng Tùng ()	Sửa chữa máy in Lê Sơn Thảo ()				
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6														Xử lý sự cố phần cứng máy tính Nguyễn Tuấn Mạnh ()	Sửa chữa máy in Lê Sơn Thảo ()				
		7																			
		8																			
		9																			
		10																			

BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2024-2025

Tuần 9: Từ 23/09 Đến 29/09/2024

LỚP			62TVS2	62TVS3	62TVS4	62TVVP1	62TVVP2	62TVVP3	62TVVP4_BX	63CĐC1	63CĐC2	63CĐH1	63CĐL1	63CĐT1	63CGK1	63CKT1	63CLG1	63CS1	63CS2	63CS3	63CTT1
THỨ	BUỔI	TIẾT																			
Thứ 2 23/09	Sáng	1				CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.406)	Hoá học 12_1 Trần Thị Hằng (H5.407)			Điện tử cơ bản Chu Quốc Thái ()	Máy điện Nguyễn Anh Đức (X23.102_Phòng LT Khoa Điện)	Lắp đặt tủ điện công nghiệp Trịnh Xuân Bình (X23.208.Phòng học PLC)			Công nghệ chế tạo máy Đỗ Anh Tuấn (X10.203_PHLT Khoa CK)		Quản lý và bổ sung hàng hóa Trần Huy Quảng (H3.208)		Tiếng anh chuyên ngành Nguyễn Đức Nam (X11.204_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 2)		
		2	Toán 12_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.107)	Toán 12_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.107)																	
		3				CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.406)	Toán 12_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.407)														
		4	Ngữ văn 12_1 Trần Thị Kim Liên (H5.107)	Ngữ văn 12_1 Trần Thị Kim Liên (H5.107)		Toán 12_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.406)	Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.407)														
		5	CCĐ Ngữ văn 12_1 Trần Thị Kim Liên (H5.107)	CCĐ Ngữ văn 12_1 Trần Thị Kim Liên (H5.107)																	
	Chiều	6						Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.407)		Máy điện Phan Thị Lý (X23.107.Phòng học Trang bị điện - 2)	Điện tử cơ bản Trần Văn Kiên (X23.103_Xưởng TH Khoa Điện)	Tiếng anh chuyên ngành Đặng Việt Hùng (X23.208.Phòng học PLC)			Công nghệ chế tạo máy Đỗ Anh Tuấn (X10.203_PHLT Khoa CK)	Kế toán doanh nghiệp I Lương Thị Hương (H3.207)		Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Trần Hanh (X11.302_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)		Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Dương Mạnh Hà (X11.208.PHÒNG HỌC CƠ KHÍ ĐỘNG CƠ - 1 + SẢNH TẦNG 2)	
		7																			
		8						Địa lí 12_1 Khổng Thị An Giang (H5.407)													
		9																			
		10																			
Thứ 3 24/09	Sáng	1	CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.107)	CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.107)		Địa lí 12_1 Nguyễn Thị Ái Vân (H5.406)		Toán 12_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.407)		Điện tử cơ bản Chu Quốc Thái ()	Máy điện Nguyễn Anh Đức (X23.102_Phòng LT Khoa Điện)	Lắp đặt tủ điện công nghiệp Trịnh Xuân Bình (X23.208.Phòng học PLC)			Công nghệ chế tạo máy Đỗ Anh Tuấn (X10.203_PHLT Khoa CK)				Tiếng anh chuyên ngành Nguyễn Đức Nam (X11.204_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 2)		
		2	Ngữ văn 12_1 Trần Thị Kim Liên (H5.107)	Ngữ văn 12_1 Trần Thị Kim Liên (H5.107)																	
		3				Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.406)		CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.407)													
		4	Địa lí 12_1 Dương Thị Hồng (H5.107)	Địa lí 12_1 Dương Thị Hồng (H5.107)				Hoá học 12_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.407)													
		5				Vật lí 12_1 Phạm Thanh Mai (H5.406)															
	Chiều	6					Vật lí 12_1 Nguyễn Hoài Anh (H5.407)			Máy điện Phan Thị Lý (X23.107.Phòng học Trang bị điện - 2)	Điện tử cơ bản Trần Văn Kiên (X23.103_Xưởng TH Khoa Điện)	Tiếng anh chuyên ngành Đặng Việt Hùng (X23.208.Phòng học PLC)			Công nghệ chế tạo máy Đỗ Anh Tuấn (X10.203_PHLT Khoa CK)	Kế toán doanh nghiệp I Lương Thị Hương (H3.207)	Quản lý và bổ sung hàng hóa Trần Huy Quảng (H3.208)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Trần Hanh (X11.302_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)		Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Dương Mạnh Hà (X11.208.PHÒNG HỌC CƠ KHÍ ĐỘNG CƠ - 1 + SẢNH TẦNG 2)	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật Nguyễn Thị Hường (H3.206)
		7					Toán 12_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.407)														
		8																			
		9					Vật lí 12_1 Nguyễn Hoài Anh (H5.407)														
		10					CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.407)														
Thứ 4 25/09	Sáng	1	CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.107)	CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.107)		Hoá học 12_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.406)	Địa lí 12_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.407)			Điện tử cơ bản Chu Quốc Thái ()	Máy điện Nguyễn Anh Đức (X23.102_Phòng LT Khoa Điện)	Lắp đặt tủ điện công nghiệp Trịnh Xuân Bình (X23.208.Phòng học PLC)			Tiện Bùi Thị Len (X10.203_PHLT Khoa CK)	Tài chính doanh nghiệp Bùi Thu Trang (H3.207)	Bảo quản hàng hóa Lương Thị Hương (H3.208)				Quản trị mạng với Windows Server Lê Xuân Chung (H3.211_TH Tin Đại cương)
		2	Toán 12_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.107)	Toán 12_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.107)																	
		3	Vật lí 12_1 Nguyễn Thị Vân (H5.107)	Vật lí 12_1 Nguyễn Thị Vân (H5.107)		CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.406)	CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.407)														
		4	Hoá học 12_1 Trần Thị Hằng (H5.107)	Hoá học 12_1 Trần Thị Hằng (H5.107)		Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.406)	CCĐ Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.407)														
		5				CCĐ Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.406)	Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.407)														
	Chiều	6						Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.407)		Máy điện Phan Thị Lý (X23.107.Phòng học Trang bị điện - 2)	Điện tử cơ bản Trần Văn Kiên (X23.103_Xưởng TH Khoa Điện)	Tiếng anh chuyên ngành Đặng Việt Hùng (X23.208.Phòng học PLC)				Kế toán doanh nghiệp I Lương Thị Hương (H3.207)	Quản lý và bổ sung hàng hóa Trần Huy Quảng (H3.208)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Trần Hanh (X11.302_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Nguyễn Quang Tiến (X11.209_TH Động cơ + SẢNH TẦNG 2)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Dương Mạnh Hà (X11.208.PHÒNG HỌC CƠ KHÍ ĐỘNG CƠ - 1 + SẢNH TẦNG 2)	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật Nguyễn Thị Hường (H3.206)
		7																			
		8						Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.407)													
		9						CCĐ Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.407)													
		10						CCĐ Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.407)													

LỚP			62TVS2	62TVS3	62TVS4	62TVVP1	62TVVP2	62TVVP3	62TVVP4_BX	63CĐC1	63CĐC2	63CĐH1	63CĐL1	63CĐT1	63CGK1	63CKT1	63CLG1	63CS1	63CS2	63CS3	63CTT1
THỨ	BUỔI	TIẾT																			
Thứ 5 26/09	Sáng	1	Vật lí 12_1 Nguyễn Thị Vân (H5.107)	Vật lí 12_1 Nguyễn Thị Vân (H5.107)		Sinh học 12_1 Lê Thị Thảo (H5.406)		Toán 12_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.407)		Máy điện Phan Thị Lý (X23.107.Phòng học Trang bị điện - 2)	Máy điện Nguyễn Anh Đức (X23.102_Phòng LT Khoa Điện)	Lắp đặt tủ điện công nghiệp Trịnh Xuân Bình (X23.208.Phòng học PLC)			Tiện Bùi Thị Len (X10.203_PHLT Khoa CK)						Quản trị mạng với Windows Server Lê Xuân Chung (H3.211_TH Tin Đại cương)
		2	CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuý (H5.107)	CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuý (H5.107)			Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.104)	Vật lí 12_1 Nguyễn Thị Vân (H5.407)													
		3				Vật lí 12_1 Phạm Thanh Mai (H5.406)															
		4	Sinh học 12_1 Lê Thị Thảo (H5.107)	Sinh học 12_1 Lê Thị Thảo (H5.107)		Toán 12_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.406)	CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuý (H5.104)	CCĐ Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.407)													
		5																			
	Chiều	6								Máy điện Phan Thị Lý (X23.107.Phòng học Trang bị điện - 2)	Điện tử cơ bản Trần Văn Kiên (X23.103_Xưởng TH Khoa Điện)	Tiếng anh chuyên ngành Đặng Việt Hùng (X23.208.Phòng học PLC)					Bảo quản hàng hóa Lương Thị Hương (H3.208)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Trần Hanh (X11.302_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Nguyễn Quang Tiến (X11.209_TH Động cơ + SẢNH TẦNG 2)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Dương Mạnh Hà (X11.208.PHÒNG HỌC CƠ KHÍ ĐỘNG CƠ - 1 + SẢNH TẦNG 2)	
		7																			
		8																			
		9																			
		10																			
Thứ 6 27/09	Sáng	1																			
		2										Lắp đặt tủ điện công nghiệp Trịnh Xuân Bình (X23.208.Phòng học PLC)			Tiện Bùi Thị Len (X10.203_PHLT Khoa CK)						Quản trị mạng với Windows Server Lê Xuân Chung (H3.211_TH Tin Đại cương)
		3														Tài chính doanh nghiệp Bùi Thu Trang (H3.207)					
		4																			
		5																			
	Chiều	6	HĐTNHN Trần Thị Kim Liên (H5.303)	HĐTNHN Trần Thị Kim Liên (H5.303)		HĐTNHN Nguyễn Quốc Khánh (H5.406)	HĐTNHN Trần Thị Hằng (H5.302)	HĐTNHN Lê Thị Quyên (H5.407)			Điện tử cơ bản Trần Văn Kiên (X23.103_Xưởng TH Khoa Điện)					Tài chính doanh nghiệp Bùi Thu Trang (H3.206)	Bảo quản hàng hóa Lương Thị Hương (H3.208)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Trần Hanh (X11.302_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Nguyễn Quang Tiến (X11.209_TH Động cơ + SẢNH TẦNG 2)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Dương Mạnh Hà (X11.208.PHÒNG HỌC CƠ KHÍ ĐỘNG CƠ - 1 + SẢNH TẦNG 2)	
		7																			
		8																			
		9																			
		10																			
Thứ 7 28/09	Sáng	1																			
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6																			
		7																			
		8																			
		9																			
		10																			

BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2024-2025
Tuần 9: Từ 23/09 Đến 29/09/2024

LỚP			63TĐC1	63TĐC1A	63TĐC2	63TĐC3	63TĐC4_YL	63TĐC5_YL	63TĐC6_YL	63TĐC7_YL	63TĐC8_BX	63TĐC9_BX	63TĐH1_YL	63TĐH2_YL	63TĐL1	63TĐL1A	63TĐL2	63TĐT1	63TĐT2	63TĐT3_VT	63TĐT4_VT
THỨ	BUỔI	TIẾT																			
Thứ 2 23/09	Sáng	1	Thiết bị điện gia dụng Nguyễn Bá Thanh (X23.106.TH Phòng học Trang bị điện - 1)	Cung cấp điện Ng Hồng Thao (X23.101_Phòng LT Khoa Điện)		Thiết bị điện gia dụng Lỗ Văn Ba (X23.105.TH Đo lường điện)	Điện tử cơ bản Đoàn Mạnh Hà ()	Điện tử cơ bản Nguyễn Trung Tuệ ()	Kỹ thuật cảm biến Trần Thị Thơm ()	Kỹ thuật cảm biến Nguyễn Thị Hương ()			Máy điện Cao Thị Thu ()	Máy điện Phạm Quang Thắng ()		Máy điện Triệu Đình Sơn (X22.202)	Kỹ thuật lạnh cơ bản Nguyễn Trí Đức (X22.304)	Điện tử tương tự Dương Thanh Huệ (X22.302)	Bộ biến đổi AC/DC Nguyễn Minh Khang (X22.107)		
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6	Sinh học 11_1 Lê Thị Thảo (H5.304)	Cung cấp điện Ng Hồng Thao (X23.101_Phòng LT Khoa Điện)	Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.307)	Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.307)															
		7																			
		8	Toán 11_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.304)		Hóa học 11_1 Nguyễn Thu Trang (H5.307)	Hóa học 11_1 Nguyễn Thu Trang (H5.307)															
		9																			
		10	Ngữ văn 11_1 Trần Thị Kim Liên (H5.304)		Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.307)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.307)															
Thứ 3 24/09	Sáng	1	Thiết bị điện gia dụng Nguyễn Bá Thanh (X23.106.TH Phòng học Trang bị điện - 1)	Cung cấp điện Ng Hồng Thao (X23.101_Phòng LT Khoa Điện)		Thiết bị điện gia dụng Lỗ Văn Ba (X23.105.TH Đo lường điện)	Điện tử cơ bản Đoàn Mạnh Hà ()	Điện tử cơ bản Nguyễn Trung Tuệ ()	Kỹ thuật cảm biến Trần Thị Thơm ()	Kỹ thuật cảm biến Nguyễn Thị Hương ()			Máy điện Cao Thị Thu ()	Máy điện Phạm Quang Thắng ()		Máy điện Triệu Đình Sơn (X22.202)	Kỹ thuật lạnh cơ bản Nguyễn Trí Đức (X22.304)	Điện tử tương tự Dương Thanh Huệ (X22.302)	Bộ biến đổi AC/DC Nguyễn Minh Khang (X22.107)		
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6	Toán 11_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.304)	Cung cấp điện Ng Hồng Thao (X23.101_Phòng LT Khoa Điện)	Địa lý 11_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.307)	Địa lý 11_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.307)															
		7	CCĐ Toán 11_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.304)																		
		8	Hóa học 11_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.304)		Vật lý 11_1 Nguyễn Hoài Anh (H5.307)	Vật lý 11_1 Nguyễn Hoài Anh (H5.307)															
		9			Toán 11_1 Kim Thành Nam (H5.307)	Toán 11_1 Kim Thành Nam (H5.307)															
		10	CCĐ Lịch sử 11_1 Lê Thị Quyên (H5.304)																		
Thứ 4 25/09	Sáng	1	Thiết bị điện gia dụng Nguyễn Bá Thanh (X23.106.TH Phòng học Trang bị điện - 1)	Cung cấp điện Ng Hồng Thao (X23.101_Phòng LT Khoa Điện)	Điện tử cơ bản Hoàng Văn Quân (X23.103_Xưởng TH Khoa Điện)	Thiết bị điện gia dụng Lỗ Văn Ba (X23.105.TH Đo lường điện)	Điện tử cơ bản Đoàn Mạnh Hà ()	Điện tử cơ bản Nguyễn Trung Tuệ ()	Kỹ thuật cảm biến Trần Thị Thơm ()	Kỹ thuật cảm biến Nguyễn Thị Hương ()			Máy điện Cao Thị Thu ()	Máy điện Phạm Quang Thắng ()		Máy điện Triệu Đình Sơn (X22.202)		Điện tử tương tự Dương Thanh Huệ (X22.302)	Bộ biến đổi AC/DC Nguyễn Minh Khang (X22.107)		
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6	Địa lý 11_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.304)		Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.307)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.307)															
		7																			
		8	Lịch sử 11_1 Lê Thị Quyên (H5.304)		Vật lý 11_1 Nguyễn Hoài Anh (H5.307)	Vật lý 11_1 Nguyễn Hoài Anh (H5.307)															
		9	Vật lý 11_1 Nguyễn Thị Vân (H5.304)		Lịch sử 11_1 Lưu Thị Thuý (H5.307)	Lịch sử 11_1 Lưu Thị Thuý (H5.307)															
		10			CCĐ Hóa học 11_1 Nguyễn Thu Trang (H5.307)	CCĐ Hóa học 11_1 Nguyễn Thu Trang (H5.307)															

LỚP			63TĐC1	63TĐC1A	63TĐC2	63TĐC3	63TĐC4_YL	63TĐC5_YL	63TĐC6_YL	63TĐC7_YL	63TĐC8_BX	63TĐC9_BX	63TĐH1_YL	63TĐH2_YL	63TĐL1	63TĐL1A	63TĐL2	63TĐT1	63TĐT2	63TĐT3_VT	63TĐT4_VT
THỨ	BUỔI	TIẾT																			
Thứ 5 26/09	Sáng	1	Thiết bị điện gia dụng Nguyễn Bá Thanh (X23.106.TH Phòng học Trang bị điện - 1)		Điện tử cơ bản Hoàng Văn Quân (X23.103_Xưởng TH Khoa Điện)	Thiết bị điện gia dụng Lỗ Văn Ba (X23.105.TH Đo lường điện)	Điện tử cơ bản Đoàn Mạnh Hà ()	Điện tử cơ bản Nguyễn Trung Tuệ ()	Kỹ thuật cảm biến Trần Thị Thơm ()	Kỹ thuật cảm biến Nguyễn Thị Hương ()			Máy điện Cao Thị Thu ()	Máy điện Phạm Quang Thắng ()	Trang bị điện Nguyễn Việt Cường (X22.104)	Máy điện Triệu Đình Sơn (X22.202)		Điện tử tương tự Dương Thanh Huệ (X22.302)	Bộ biến đổi AC/DC Nguyễn Minh Khang (X22.107)		
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6	Ngữ văn 11_1 Trần Thị Kim Liên (H5.304)		Toán 11_1 Kim Thành Nam (H5.307)	Toán 11_1 Kim Thành Nam (H5.307)															
		7			CCĐ Toán 11_1 Kim Thành Nam (H5.307)	CCĐ Toán 11_1 Kim Thành Nam (H5.307)															
		8	CCĐ Vật lý 11_1 Nguyễn Thị Vân (H5.304)		CCĐ Lịch sử 11_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.307)	CCĐ Lịch sử 11_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.307)															
		9	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Lê Thị Quyên (H5.304)		HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thu Trang (H5.307)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thu Trang (H5.307)															
		10																			
Thứ 6 27/09	Sáng	1	Thiết bị điện gia dụng Nguyễn Bá Thanh (X23.106.TH Phòng học Trang bị điện - 1)		Điện tử cơ bản Hoàng Văn Quân (X23.103_Xưởng TH Khoa Điện)		Điện tử cơ bản Đoàn Mạnh Hà ()	Điện tử cơ bản Nguyễn Trung Tuệ ()	Kỹ thuật cảm biến Trần Thị Thơm ()	Kỹ thuật cảm biến Nguyễn Thị Hương ()	Máy điện Nguyễn Anh Đức ()	Máy điện Phan Thị Lý ()	Máy điện Cao Thị Thu ()	Máy điện Phạm Quang Thắng ()	Trang bị điện Nguyễn Việt Cường (X22.104)	Máy điện Triệu Đình Sơn (X22.202)				Tách: Điện tử tương tự-1-1-2024(N04) Nguyễn Chí Thành (...) Điện tử tương tự-1-1-2024(N05) Nguyễn Văn Chiều (...)	Điện tử tương tự Phạm Đức Tùng ()
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6									Máy điện Nguyễn Anh Đức ()	Máy điện Phan Thị Lý ()								Tách: Điện tử tương tự-1-1-2024(N04) Nguyễn Chí Thành (...) Điện tử tương tự-1-1-2024(N05) Nguyễn Văn Chiều (...)	Điện tử tương tự Phạm Đức Tùng ()
		7																			
		8																			
		9																			
		10																			
Thứ 7 28/09	Sáng	1							Kỹ thuật cảm biến Trần Thị Thơm ()	Kỹ thuật cảm biến Nguyễn Thị Hương ()	Máy điện Nguyễn Anh Đức ()	Cung cấp điện Đặng Việt Hùng ()	Máy điện Cao Thị Thu ()							Tách: Điện tử tương tự-1-1-2024(N04) Nguyễn Chí Thành (...) Điện tử tương tự-1-1-2024(N05) Nguyễn Văn Chiều (...)	Điện tử tương tự Phạm Đức Tùng ()
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6									Máy điện Nguyễn Anh Đức ()	Cung cấp điện Đặng Việt Hùng ()								Tách: Điện tử tương tự-1-1-2024(N04) Nguyễn Chí Thành (...) Điện tử tương tự-1-1-2024(N05) Nguyễn Văn Chiều (...)	Điện tử tương tự Phạm Đức Tùng ()
		7																			
		8																			
		9																			
		10																			

BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2024-2025
Tuần 9: Từ 23/09 Đến 29/09/2024

LỚP			63TGK1	63TGK1A	63TGK2A	63THA1_LT	63TKT1	63TKT2	63TKT3	63TKT4_LT	63TKT5_LT	63TLG1_BX	63TMT1	63TMT1A	63TMT2_BX	63TMT3_BX	63TQM1	63TQM1A	63TQM2	63TQM3	63TQM4
THỨ	BUỔI	TIẾT																			
Thứ 2 23/09	Sáng	1	Tiện Chu Mạnh Hùng (X10.204_PHLT Khoa CK)	Tiện Vũ Minh Cường (TT.Tiện-Phay- bào)	Tiện Nguyễn Thị Hạnh ()		Kế toán doanh nghiệp I Bùi Thu Trang (H3.207)	Kế toán doanh nghiệp I Trần Việt Anh (H3.206)	Kế toán doanh nghiệp I Lương Thị Hương (H3.205)				Tiếng anh chuyên ngành Nguyễn Thị Hường (H3.101)	Tiếng anh chuyên ngành Tạ Văn Khoa (H3.106)				Lập trình căn bản Lê Thị Châm (H2.203_TH Tin Đại cương)	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật Vũ Lệ Thu (H3.104)		Tiếng anh chuyên ngành Quách Thu Thảo (H2.301_TH LR Máy tính)
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6	Sinh học 11_1 Lê Thị Thảo (H5.304)	Tiện Vũ Minh Cường (TT.Tiện-Phay- bào)			Toán 11_1 Kim Thành Nam (H5.306)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.302)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.302)				Tin học 11_1 Nguyễn Thị Hường (H5.201)				Toán 11_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.203)		Toán 11_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.203)	Toán 11_1 Hà Thị Duyên (H5.301)	Toán 11_1 Hà Thị Duyên (H5.301)
		7																			
		8	Toán 11_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.304)				Ngữ văn 11_1 Trần Thị Kim Liên (H5.306)	CCĐ Toán 11_1 Hà Thị Duyên (H5.302)	CCĐ Toán 11_1 Hà Thị Duyên (H5.302)				Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.201)				Tin học 11_1 Phan Hoàng Lan (H5.203)		Tin học 11_1 Phan Hoàng Lan (H5.203)	Vật lý 11_1 Phạm Thanh Mai (H5.301)	Vật lý 11_1 Phạm Thanh Mai (H5.301)
		9					Tin học 11_1 Nguyễn Thị Hường (H5.306)	Toán 11_1 Hà Thị Duyên (H5.302)	Toán 11_1 Hà Thị Duyên (H5.302)											Lịch sử 11_1 Lưu Yến Ngọc (H5.301)	Lịch sử 11_1 Lưu Yến Ngọc (H5.301)
		10	Ngữ văn 11_1 Trần Thị Kim Liên (H5.304)										Lịch sử 11_1 Lê Thị Quyên (H5.201)				CCĐ Toán 11_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.203)		CCĐ Toán 11_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.203)	CCĐ Lịch sử 11_1 Lưu Yến Ngọc (H5.301)	CCĐ Lịch sử 11_1 Lưu Yến Ngọc (H5.301)
Thứ 3 24/09	Sáng	1	Tiện Chu Mạnh Hùng (X10.204_PHLT Khoa CK)	Tiện Vũ Minh Cường (TT.Tiện-Phay- bào)	Tiện Nguyễn Thị Hạnh ()			Thống kê doanh nghiệp Trần Huy Quảng (H3.206)	Kế toán doanh nghiệp I Lương Thị Hương (H3.205)				Tiếng anh chuyên ngành Nguyễn Thị Hường (H3.101)	Tiếng anh chuyên ngành Tạ Văn Khoa (H3.106)			Ktra: Tin học văn phòng-1-1-2024(N06) Nguyễn Tuấn Mạnh (H3.209.TH Tin học)	Lập trình căn bản Lê Thị Châm (H2.203_TH Tin Đại cương)	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật Vũ Lệ Thu (H3.104)	Ktra: Cấu trúc dữ liệu và giải thuật-1-1-2024(N04) Phan Hoàng Lan (H2.102_TH Tin Ứng dụng)	Tiếng anh chuyên ngành Quách Thu Thảo (H2.301_TH LR Máy tính)
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6	Toán 11_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.304)				Hóa học 11_1 Trần Thị Hằng (H5.306)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.302)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.302)				Toán 11_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.201)				Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Thanh Thùy (H5.203)		Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Thanh Thùy (H5.203)	Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.301)	Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.301)
		7	CCĐ Toán 11_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.304)				Vật lý 11_1 Nguyễn Hoài Anh (H5.306)	Tin học 11_1 Vũ Lệ Thu (H5.302)	Tin học 11_1 Vũ Lệ Thu (H5.302)				Hóa học 11_1 Trần Thị Hằng (H5.201)								
		8	Hóa học 11_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.304)				CCĐ Toán 11_1 Kim Thành Nam (H5.306)						Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.201)				Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.203)		Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.203)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.301)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.301)
		9					CCĐ Hóa học 11_1 Trần Thị Hằng (H5.306)	Hóa học 11_1 Nguyễn Thu Trang (H5.302)	Hóa học 11_1 Nguyễn Thu Trang (H5.302)				CCĐ Lịch sử 11_1 Lê Thị Quyên (H5.201)				Vật lý 11_1 Chu Thị Tính (H5.203)		Vật lý 11_1 Chu Thị Tính (H5.203)	Tin học 11_1 Vũ Lệ Thu (H5.301)	Tin học 11_1 Vũ Lệ Thu (H5.301)
		10	CCĐ Lịch sử 11_1 Lê Thị Quyên (H5.304)				Lịch sử 11_1 Lưu Yến Ngọc (H5.306)						Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.201)				Địa lý 11_1 Nguyễn Thị Ái Vân (H5.203)		Địa lý 11_1 Nguyễn Thị Ái Vân (H5.203)		
Thứ 4 25/09	Sáng	1	Tiện Chu Mạnh Hùng (X10.204_PHLT Khoa CK)	Tiện Vũ Minh Cường (TT.Tiện-Phay- bào)	Tiện Nguyễn Thị Hạnh ()		Tài chính doanh nghiệp Đặng Thị Thu Hà (H3.206)	Kế toán doanh nghiệp I Trần Việt Anh (H3.205)					Tiếng anh chuyên ngành Nguyễn Thị Hường (H3.101)				Lập trình căn bản Tạ Văn Khoa (H3.209.TH Tin học)	Lập trình căn bản Lê Thị Châm (H2.203_TH Tin Đại cương)		Kỹ thuật điện – điện tử Lê Sơn Thảo (H2.302_TH QTM)	Tiếng anh chuyên ngành Quách Thu Thảo (H2.301_TH LR Máy tính)
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6	Địa lý 11_1 Trần Thị Thanh Hóa (H5.304)				Ngữ văn 11_1 Trần Thị Kim Liên (H5.306)	Địa lý 11_1 Dương Thị Hồng (H5.302)	Địa lý 11_1 Dương Thị Hồng (H5.302)				Hóa học 11_1 Trần Thị Hằng (H5.201)				Lịch sử 11_1 Lê Thị Quyên (H5.203)		Lịch sử 11_1 Lê Thị Quyên (H5.203)	Toán 11_1 Hà Thị Duyên (H5.301)	Toán 11_1 Hà Thị Duyên (H5.301)
		7						Vật lý 11_1 Nguyễn Thị Vân (H5.302)	Vật lý 11_1 Nguyễn Thị Vân (H5.302)				CCĐ Hóa học 11_1 Trần Thị Hằng (H5.201)				CCĐ Lịch sử 11_1 Lê Thị Quyên (H5.203)		CCĐ Lịch sử 11_1 Lê Thị Quyên (H5.203)		
		8	Lịch sử 11_1 Lê Thị Quyên (H5.304)				Hóa học 11_1 Trần Thị Hằng (H5.306)						Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.201)				Vật lý 11_1 Chu Thị Tính (H5.203)		Vật lý 11_1 Chu Thị Tính (H5.203)	Địa lý 11_1 Nguyễn Thị Ái Vân (H5.301)	Địa lý 11_1 Nguyễn Thị Ái Vân (H5.301)
		9	Vật lý 11_1 Nguyễn Thị Vân (H5.304)				Vật lý 11_1 Nguyễn Hoài Anh (H5.306)	CCĐ Hóa học 11_1 Nguyễn Thu Trang (H5.302)	CCĐ Hóa học 11_1 Nguyễn Thu Trang (H5.302)				Địa lý 11_1 Khổng Thị An Giang (H5.201)				Địa lý 11_1 Nguyễn Thị Ái Vân (H5.203)		Địa lý 11_1 Nguyễn Thị Ái Vân (H5.203)	CCĐ Toán 11_1 Hà Thị Duyên (H5.301)	CCĐ Toán 11_1 Hà Thị Duyên (H5.301)
		10					CCĐ Lịch sử 11_1 Lưu Yến Ngọc (H5.306)	Toán 11_1 Hà Thị Duyên (H5.302)	Toán 11_1 Hà Thị Duyên (H5.302)								CCĐ Vật lý 11_1 Chu Thị Tính (H5.203)		CCĐ Vật lý 11_1 Chu Thị Tính (H5.203)	Địa lý 11_1 Nguyễn Thị Ái Vân (H5.301)	Địa lý 11_1 Nguyễn Thị Ái Vân (H5.301)

LỚP			63TGK1	63TGK1A	63TGK2A	63THA1_LT	63TKT1	63TKT2	63TKT3	63TKT4_LT	63TKT5_LT	63TLG1_BX	63TMT1	63TMT1A	63TMT2_BX	63TMT3_BX	63TQM1	63TQM1A	63TQM2	63TQM3	63TQM4
THỨ	BUỔI	TIẾT																			
Thứ 5 26/09	Sáng	1		Tiện Vũ Minh Cường (TT.Tiện-Phay- bào)	Tiện Nguyễn Thị Hạnh ()		Kế toán doanh nghiệp I Bùi Thu Trang (H3.207)	Marketing Trần Huy Quảng (H3.206)	Kế toán doanh nghiệp I Lương Thị Hương (H3.208)								Lập trình căn bản Tạ Văn Khoa (H3.209.TH Tin học)				
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6	Ngữ văn 11_1 Trần Thị Kim Liên (H5.304)				Địa lý 11_1 Dương Thị Hồng (H5.306)	Lịch sử 11_1 Lê Thị Quyên (H5.302)	Lịch sử 11_1 Lê Thị Quyên (H5.302)				Toán 11_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.201)	Tiếng anh chuyên ngành Tạ Văn Khoa (H3.206)			Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.203)		Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.203)	CCĐ Vật lý 11_1 Phạm Thanh Mai (H5.301)	CCĐ Vật lý 11_1 Phạm Thanh Mai (H5.301)
		7						CCĐ Lịch sử 11_1 Lê Thị Quyên (H5.302)	CCĐ Lịch sử 11_1 Lê Thị Quyên (H5.302)								Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.203)		Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.203)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.301)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.301)
		8	CCĐ Vật lý 11_1 Nguyễn Thị Vân (H5.304)				Toán 11_1 Kim Thành Nam (H5.306)	Địa lý 11_1 Dương Thị Hồng (H5.302)	Địa lý 11_1 Dương Thị Hồng (H5.302)				CCĐ Toán 11_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.201)				Toán 11_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.203)		Toán 11_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.203)		
		9	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Lê Thị Quyên (H5.304)				HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Trần Thị Kim Liên (H5.306)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Vân (H5.302)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Vân (H5.302)				HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Chu Văn Quang (H5.201)				HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Hợp (H5.203)		HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Hợp (H5.203)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Lưu Yến Ngọc (H5.301)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Lưu Yến Ngọc (H5.301)
Thứ 6 27/09	Sáng	1		Tiện Vũ Minh Cường (TT.Tiện-Phay- bào)	Tiện Nguyễn Thị Hạnh ()	Hàn hồ quang tay Lê Văn Nam ()	Tài chính doanh nghiệp Đặng Thị Thu Hà (H3.208)	Marketing Trần Huy Quảng (H3.205)	Kế toán doanh nghiệp I Lương Thị Hương (H3.206)	Thuế Trần Việt Anh ()	Thuế Trần Việt Anh ()	Quan hệ với nhà cung cấp và khách hàng Quách Hữu Việt ()			Bảo trì máy tính Nguyễn Tuấn Hưng ()	Lập trình căn bản Nguyễn Thị Hường ()	Lập trình căn bản Tạ Văn Khoa (H3.209.TH Tin học)			Kỹ thuật điện – điện tử Lê Sơn Thảo (H2.302_TH QTM)	
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6				Hàn hồ quang tay Lê Văn Nam ()				Thuế Trần Việt Anh ()	Thuế Trần Việt Anh ()	Quan hệ với nhà cung cấp và khách hàng Quách Hữu Việt ()			Thiết kế mạng LAN Nguyễn Tuấn Mạnh ()	Thiết kế mạng LAN Hoàng Tùng ()					Ktra: Lập trình căn bản-1-1-2024(N09) Phùng Thị Minh Phương (H3.203_TH Máy tính)
		7																			
		8																			
		9																			
		10																			
Thứ 7 28/09	Sáng	1				Hàn hồ quang tay Lê Văn Nam ()				Tài chính doanh nghiệp Bùi Thu Trang ()	Tài chính doanh nghiệp Bùi Thu Trang ()	Quan hệ với nhà cung cấp và khách hàng Quách Hữu Việt ()			Bảo trì máy tính Nguyễn Tuấn Hưng ()	Tiếng anh chuyên ngành Tạ Văn Khoa ()					
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6				Hàn hồ quang tay Lê Văn Nam ()				Tài chính doanh nghiệp Bùi Thu Trang ()	Tài chính doanh nghiệp Bùi Thu Trang ()	Quan hệ với nhà cung cấp và khách hàng Quách Hữu Việt ()			Lập trình căn bản Phùng Thị Minh Phương ()	Tiếng anh chuyên ngành Tạ Văn Khoa ()					
		7																			
		8																			
		9																			
		10																			

BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2024-2025
Tuần 9: Từ 23/09 Đến 29/09/2024

LỚP			63TQM5_BX	63TQM6_BX	63TS1	63TS2	63TS3	63TS4	63TVP1	63TVP2	63TVP3	63TVP4	64CCK1	64CCT1	64CĐC1	64CĐH1	64CĐL1	64CĐT1	64CKT1	64CLG1
THỨ	BUỔI	TIẾT																		
Thứ 2 23/09	Sáng	1			Ktra: Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 2-1-1-2024(N01) (...)			Ktra: Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 2-1-1-2024(N04) (...)	Tiếng anh chuyên ngành Phùng Thị Minh Phương (H3.103)		Tiếng anh chuyên ngành Kim Thị Thương (H3.204.TH KHOA TIN)	Bảo trì máy tính Phùng Ngọc Hùng (H3.201_TH KTXS)		Lắp ráp mạch điện tử Hoàng Quyết Tiến (X22.108)	Kỹ thuật điện Trần Văn Kiên (X23.203.Phòng học Điện tử)	Kỹ thuật điện Trần Văn Kiên (X23.203.Phòng học Điện tử)		Lắp ráp mạch điện tử Hoàng Quyết Tiến (X22.108)	Tin học Lê Sơn Thảo (H3.210_TH Tin Ứng dụng)	Tin học Lê Sơn Thảo (H3.210_TH Tin Ứng dụng)
		2																		
		3																		
		4																		
		5																		
	Chiều	6			Toán 11_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.404)	Toán 11_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.404)	Ngữ văn 11_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.202)	Ngữ văn 11_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.202)	Tin học 11_1 Nguyễn Thị Hường (H5.201)	Tin học 11_1 Phan Hoàng Lan (H5.303)	Tin học 11_1 Phan Hoàng Lan (H5.303)	Toán 11_1 Kim Thành Nam (H5.306)	An toàn lao động Nguyễn Văn Bảy (X10.204_PHLT Khoa CK)				Vật liệu Nguyễn Trí Đức (X22.304)			
		7																		
		8			Hóa học 11_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.404)	Hóa học 11_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.404)	Toán 11_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.202)	Toán 11_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.202)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.201)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.303)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.303)	Ngữ văn 11_1 Trần Thị Kim Liên (H5.306)								
		9			Vật lý 11_1 Phạm Thanh Mai (H5.404)	Vật lý 11_1 Phạm Thanh Mai (H5.404)				Hóa học 11_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.303)	Hóa học 11_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.303)	Tin học 11_1 Nguyễn Thị Hường (H5.306)								
		10					CCĐ Toán 11_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.202)	CCĐ Toán 11_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.202)	Lịch sử 11_1 Lê Thị Quyên (H5.201)											
Thứ 3 24/09	Sáng	1				Ktra: Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 2-1-1-2024(N02) (...)			Tiếng anh chuyên ngành Phùng Thị Minh Phương (H3.103)		Tiếng anh chuyên ngành Kim Thị Thương (H3.204.TH KHOA TIN)	Bảo trì máy tính Phùng Ngọc Hùng (H3.201_TH KTXS)		Lắp ráp mạch điện tử Hoàng Quyết Tiến (X22.108)	Kỹ thuật điện Trần Văn Kiên (X23.203.Phòng học Điện tử)	Kỹ thuật điện Trần Văn Kiên (X23.203.Phòng học Điện tử)		Lắp ráp mạch điện tử Hoàng Quyết Tiến (X22.108)	Tin học Lê Sơn Thảo (H3.210_TH Tin Ứng dụng)	Tin học Lê Sơn Thảo (H3.210_TH Tin Ứng dụng)
		2																		
		3																		
		4																		
		5																		
	Chiều	6			Sinh học 11_1 Lê Thị Thảo (H5.404)	Sinh học 11_1 Lê Thị Thảo (H5.404)	Hóa học 11_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.202)	Hóa học 11_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.202)	Toán 11_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.201)	Toán 11_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.303)	Toán 11_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.303)	Hóa học 11_1 Trần Thị Hằng (H5.306)	An toàn lao động Nguyễn Văn Bảy (X10.204_PHLT Khoa CK)				Vật liệu Nguyễn Trí Đức (X22.304)			
		7					Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.202)	Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.202)	Hóa học 11_1 Trần Thị Hằng (H5.201)			Vật lý 11_1 Nguyễn Hoài Anh (H5.306)								
		8			Toán 11_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.404)	Toán 11_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.404)	CCĐ Vật lý 11_1 Chu Thị Tính (H5.202)	CCĐ Vật lý 11_1 Chu Thị Tính (H5.202)	Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.201)	CCĐ Toán 11_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.303)	CCĐ Toán 11_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.303)	CCĐ Toán 11_1 Kim Thành Nam (H5.306)								
		9			CCĐ Toán 11_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.404)	CCĐ Toán 11_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.404)	Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.202)	Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.202)	CCĐ Lịch sử 11_1 Lê Thị Quyên (H5.201)	Địa lý 11_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.303)	Địa lý 11_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.303)	CCĐ Hóa học 11_1 Trần Thị Hằng (H5.306)								
		10			Ngữ văn 11_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.404)	Ngữ văn 11_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.404)	Hóa học 11_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.202)	Hóa học 11_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.202)	Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.201)			Lịch sử 11_1 Lưu Yến Ngọc (H5.306)								
Thứ 4 25/09	Sáng	1								Photoshop Vũ Lệ Thu (H2.102_TH Tin Ứng dụng)	Tiếng anh chuyên ngành Kim Thị Thương (H3.204.TH KHOA TIN)	Bảo trì máy tính Phùng Ngọc Hùng (H3.201_TH KTXS)		Lắp ráp mạch điện tử Hoàng Quyết Tiến (X22.108)	Kỹ thuật điện Trần Văn Kiên (X23.203.Phòng học Điện tử)	Kỹ thuật điện Trần Văn Kiên (X23.203.Phòng học Điện tử)		Lắp ráp mạch điện tử Hoàng Quyết Tiến (X22.108)		
		2																		
		3																		
		4																		
		5																		
	Chiều	6			Hóa học 11_1 Trịnh Thị Phong Lan ()	Hóa học 11_1 Trịnh Thị Phong Lan ()	Địa lý 11_1 Khổng Thị An Giang (H5.202)	Địa lý 11_1 Khổng Thị An Giang (H5.202)	Hóa học 11_1 Trần Thị Hằng (H5.201)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.303)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.303)	Ngữ văn 11_1 Trần Thị Kim Liên (H5.306)	Vật liệu cơ khí Chu Mạnh Hùng (X10.204_PHLT Khoa CK)				Vật liệu Nguyễn Trí Đức (X22.304)			
		7			Lịch sử 11_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.404)	Lịch sử 11_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.404)			CCĐ Hóa học 11_1 Trần Thị Hằng (H5.201)											
		8			CCĐ Lịch sử 11_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.404)	CCĐ Lịch sử 11_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.404)	Ngữ văn 11_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.202)	Ngữ văn 11_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.202)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.201)	Lịch sử 11_1 Lưu Yến Ngọc (H5.303)	Lịch sử 11_1 Lưu Yến Ngọc (H5.303)	Hóa học 11_1 Trần Thị Hằng (H5.306)							Tin học Lê Sơn Thảo (H3.210_TH Tin Ứng dụng)	Tin học Lê Sơn Thảo (H3.210_TH Tin Ứng dụng)
		9			Địa lý 11_1 Dương Thị Hồng (H5.404)	Địa lý 11_1 Dương Thị Hồng (H5.404)	Vật lý 11_1 Chu Thị Tính (H5.202)	Vật lý 11_1 Chu Thị Tính (H5.202)	Địa lý 11_1 Khổng Thị An Giang (H5.201)	CCĐ Lịch sử 11_1 Lưu Yến Ngọc (H5.303)	CCĐ Lịch sử 11_1 Lưu Yến Ngọc (H5.303)	Vật lý 11_1 Nguyễn Hoài Anh (H5.306)								
		10					CCĐ Lịch sử 11_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.202)	CCĐ Lịch sử 11_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.202)		CCĐ Hóa học 11_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.303)	CCĐ Hóa học 11_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.303)	CCĐ Lịch sử 11_1 Lưu Yến Ngọc (H5.306)								

LỚP			63TQM5_BX	63TQM6_BX	63TS1	63TS2	63TS3	63TS4	63TVP1	63TVP2	63TVP3	63TVP4	64CCK1	64CCT1	64CĐC1	64CĐH1	64CĐL1	64CĐT1	64CKT1	64CLG1
THỨ	BUỔI	TIẾT																		
Thứ 5 26/09	Sáng	1							Tiếng anh chuyên ngành Phùng Thị Minh Phương (H3.103)	Photoshop Vũ Lệ Thu (H2.102_TH Tin Ứng dụng)		Soạn thảo văn bản điện tử Trần Xuân Phương (H2.203_TH Tin Đại cương)		Lắp ráp mạch điện tử Hoàng Quyết Tiến (X22.108)	Kỹ thuật điện Trần Văn Kiên (X23.203.Phòng học Điện tử)	Kỹ thuật điện Trần Văn Kiên (X23.203.Phòng học Điện tử)		Lắp ráp mạch điện tử Hoàng Quyết Tiến (X22.108)	Tin học Lê Sơn Thảo (H3.210_TH Tin Ứng dụng)	Tin học Lê Sơn Thảo (H3.210_TH Tin Ứng dụng)
		2																		
		3																		
		4																		
		5																		
	Chiều	6			Ngữ văn 11_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.404)	Ngữ văn 11_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.404)	Lịch sử 11_1 Lưu Thị Thuý (H5.202)	Lịch sử 11_1 Lưu Thị Thuý (H5.202)	Toán 11_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.201)	Sinh học 11_1 Lê Thị Thảo (H5.303)	Sinh học 11_1 Lê Thị Thảo (H5.303)	Địa lý 11_1 Dương Thị Hồng (H5.306)	Vật liệu cơ khí Chu Mạnh Hùng (X10.204_PHLT Khoa CK)				Vật liệu Nguyễn Trí Đức (X22.304)			
		7					Vật lý 11_1 Chu Thị Tính (H5.202)	Vật lý 11_1 Chu Thị Tính (H5.202)												
		8			CCĐ Vật lý 11_1 Phạm Thanh Mai (H5.404)	CCĐ Vật lý 11_1 Phạm Thanh Mai (H5.404)	Toán 11_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.202)	Toán 11_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.202)	CCĐ Toán 11_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.201)	Toán 11_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.303)	Toán 11_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.303)	Toán 11_1 Kim Thành Nam (H5.306)								
		9			HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Lê Thị Tố Quyên (H5.404)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Lê Thị Tố Quyên (H5.404)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Văn Thành (H5.202)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Văn Thành (H5.202)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Chu Văn Quang (H5.201)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Thu Hà (H5.303)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Thu Hà (H5.303)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Trần Thị Kim Liên (H5.306)								
		10																		
Thứ 6 27/09	Sáng	1	Kỹ thuật điện – điện tử Lê Hoàng ()	Kỹ thuật điện – điện tử Tạ Ngọc Dũng ()										Lắp ráp mạch điện tử Hoàng Quyết Tiến (X22.108)				Lắp ráp mạch điện tử Hoàng Quyết Tiến (X22.108)		
		2																		
		3																		
		4																		
		5																		
	Chiều	6	Kỹ thuật điện – điện tử Lê Hoàng ()	Kỹ thuật điện – điện tử Tạ Ngọc Dũng ()									Vật liệu cơ khí Chu Mạnh Hùng (X10.204_PHLT Khoa CK)				Vật liệu Nguyễn Trí Đức (X22.304)			
		7																		
		8																	Tin học Lê Sơn Thảo (H3.210_TH Tin Ứng dụng)	Tin học Lê Sơn Thảo (H3.210_TH Tin Ứng dụng)
		9																		
		10																		
Thứ 7 28/09	Sáng	1	Kỹ thuật điện – điện tử Lê Hoàng ()	Tin học văn phòng Nguyễn Thị Hường ()																
		2																		
		3																		
		4																		
		5																		
	Chiều	6	Kỹ thuật điện – điện tử Lê Hoàng ()	Tin học văn phòng Nguyễn Thị Hường ()																
		7																		
		8																		
		9																		
		10																		

BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2024-2025
Tuần 9: Từ 23/09 Đến 29/09/2024

LỚP			64CQM1	64CS1	64CTM1	64CTT1	64CVP1	64TCCT1	64TCK1	64TCK2	64TCT1A	64TĐC1	64TĐC2	64TĐH1	64TĐL1	64TĐL1A	64TĐP1	64TĐT1	64TĐT2	64TGK1A + 63TMX
THỨ	BUỔI	TIẾT																		
Thứ 2 23/09	Sáng	1	Tin học Lê Sơn Thảo (H3.210_TH Tin Ứng dụng)	Tách: Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 1-1-1-2024(N02) Nguyễn Quang Tiến (X11.209_TH Động cơ + SẢNH TẦNG 2) Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 1-1-1-24(N01) Dương Mạnh Hà (X11.208.PHÒNG HỌC CƠ KHÍ ĐỘNG CƠ - 1 + SẢNH TẦNG 2)		Tin học Lê Sơn Thảo (H3.210_TH Tin Ứng dụng)	Tin học Lê Sơn Thảo (H3.210_TH Tin Ứng dụng)	Toán 10_1 Nguyễn Thị Kim Thủy (H5.204)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.301)	Ngữ văn 10_1 Trần Thị Kim Liên (H5.306)	Toán 1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.103)	Lịch sử 10_1 Lê Thị Quyên (H5.201)	Công nghệ 10_1 Nguyễn Văn Bảy (H5.307)	Toán 10_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.401)	CCĐ Vật lý 10_1 Nguyễn Thị Vân (H5.302)	Ngữ Văn 1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.102)	Toán 10_1 Hà Thị Duyên (H5.402)	CCĐ Vật lý 10_1 Nguyễn Thị Vân (H5.302)	Vật lý 10_1 Nguyễn Hoài Anh (H5.304)	Toán 1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.103)
		2								CCĐ Vật lý 10_1 Nguyễn Thị Vân (H5.306)		CCĐ Hóa học 10_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.201)		Công nghệ 10_1 Phan Thanh Đạt (H5.401)	Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.302)			Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.302)		
		3						Lịch sử 10_1 Lưu Yến Ngọc (H5.204)	Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.301)	Công nghệ 10_1 Hồ Sĩ Khương (H5.306)	Vật lý 1 Nguyễn Thị Vân (H5.103)	Công nghệ 10_1 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.201)	Vật lý 10_1 Phạm Thanh Mai (H5.307)		Lịch sử 10_1 Lê Thị Quyên (H5.302)		Hóa học 10_1 Trần Thị Hằng (H5.402)	Lịch sử 10_1 Lê Thị Quyên (H5.302)	CCĐ Vật lý 10_1 Nguyễn Hoài Anh (H5.304)	
		4										CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Thị Kim Thủy (H5.201)		Vật lý 10_1 Phạm Thanh Mai (H5.401)	Ngữ văn 10_1 Tạ Thị Bích Hồng (H5.302)			Ngữ văn 10_1 Tạ Thị Bích Hồng (H5.302)	Lịch sử 10_1 Lưu Yến Ngọc (H5.304)	Vật lý 1 Nguyễn Thị Vân (H5.103)
		5						Công nghệ 10_1 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.204)	Vật lý 10_1 Chu Thị Tính (H5.301)	Lịch sử 10_1 Lê Thị Quyên (H5.306)		Toán 10_1 Nguyễn Thị Kim Thủy (H5.201)	Toán 10_1 Hà Thị Duyên (H5.307)				CCĐ Hóa học 10_1 Trần Thị Hằng (H5.402)		Công nghệ 10_1 Hồ Sĩ Khương (H5.304)	
	Chiều	6						Giáo dục Quốc phòng và An ninh Chu Văn Quang (Nhà thi đấu_01)	Giáo dục Quốc phòng và An ninh Nguyễn Tiến Sỹ (Nhà thi đấu_02)	Giáo dục chính trị Lương Thị Ngọc Hà (H3.105)	Tiếng Anh 1 Nguyễn Thị Nhàn (H3.101)					Tiếng Anh 1 Hà Ngọc Tân (H3.103)	Giáo dục Quốc phòng và An ninh Nguyễn Văn Thành (Nhà thi đấu_03)			
		7																		
		8																	Giáo dục chính trị Lê Thanh Tâm (H3.106)	Tiếng Anh 1 Hà Ngọc Tân (H3.103)
		9																		
		10																		
Thứ 3 24/09	Sáng	1	Tin học Lê Sơn Thảo (H3.210_TH Tin Ứng dụng)	Tách: Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 1-1-1-2024(N02) Nguyễn Quang Tiến (X11.209_TH Động cơ + SẢNH TẦNG 2) Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 1-1-1-24(N01) Dương Mạnh Hà (X11.208.PHÒNG HỌC CƠ KHÍ ĐỘNG CƠ - 1 + SẢNH TẦNG 2)		Tin học Lê Sơn Thảo (H3.210_TH Tin Ứng dụng)	Tin học Lê Sơn Thảo (H3.210_TH Tin Ứng dụng)	Sinh học 10_1 Lê Thị Thảo (H5.204)	Địa lý 10_1 Dương Thị Hồng (H5.301)	Toán 10_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	Tiếng Anh 1 Nguyễn Thị Nhàn (H3.105)	Hóa học 10_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.201)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.307)	Lịch sử 10_1 Lưu Yến Ngọc (H5.401)	Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.302)	Toán 1 Hà Thị Duyên (H5.102)	Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.402)	Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.302)	Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.304)	
		2											Vật lý 10_1 Phạm Thanh Mai (H5.307)	Địa lý 10_1 Trần Thị Thanh Hóa (H5.401)					Công nghệ 10_1 Hồ Sĩ Khương (H5.304)	
		3						Địa lý 10_1 Dương Thị Hồng (H5.204)	Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.301)	Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.306)		Sinh học 10_1 Lê Thị Thảo (H5.201)	Lịch sử 10_1 Lưu Yến Ngọc (H5.307)		Vật lý 10_1 Nguyễn Thị Vân (H5.302)		Lịch sử 10_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.402)	Vật lý 10_1 Nguyễn Thị Vân (H5.302)		
		4						CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Thị Kim Thủy (H5.204)		Ngữ văn 10_1 Trần Thị Kim Liên (H5.306)		Địa lý 10_1 Trần Thị Thanh Hóa (H5.201)	Địa lý 10_1 Nguyễn Thị Ái Vân (H5.307)	CCĐ Vật lý 10_1 Phạm Thanh Mai (H5.401)	CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.302)	Lịch sử 1 Lưu Thị Thuỷ (H5.102)	Công nghệ 10_1 Hồ Sĩ Khương (H5.402)	CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.302)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.304)	
		5						Toán 10_1 Nguyễn Thị Kim Thủy (H5.204)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.301)			Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Thanh Thùy (H5.201)		CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.401)	Địa lý 10_1 Trần Thị Thanh Hóa (H5.302)			Địa lý 10_1 Trần Thị Thanh Hóa (H5.302)	CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.304)	
	Chiều	6						Giáo dục Quốc phòng và An ninh Chu Văn Quang (Nhà thi đấu_01)	Giáo dục Quốc phòng và An ninh Nguyễn Tiến Sỹ (Nhà thi đấu_02)	Pháp luật Lê Thanh Tâm (H3.105)	Ngữ Văn 1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.101)						Giáo dục Quốc phòng và An ninh Nguyễn Văn Thành (Nhà thi đấu_03)				
		7																		
		8																		Ngữ Văn 1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.101)
		9																		
		10																		
Thứ 4 25/09	Sáng	1	Tin học Lê Sơn Thảo (H3.210_TH Tin Ứng dụng)	Tách: Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 1-1-1-2024(N02) Nguyễn Quang Tiến (X11.209_TH Động cơ + SẢNH TẦNG 2) Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 1-1-1-24(N01) Dương Mạnh Hà (X11.208.PHÒNG HỌC CƠ KHÍ ĐỘNG CƠ - 1 + SẢNH TẦNG 2)		Tin học Lê Sơn Thảo (H3.210_TH Tin Ứng dụng)	Tin học Lê Sơn Thảo (H3.210_TH Tin Ứng dụng)	Ngữ văn 10_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)	Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.301)	Vật lý 10_1 Nguyễn Thị Vân (H5.306)	Lịch sử 1 Lê Thị Quyên (H5.103)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Thanh Thùy (H5.201)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.307)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.401)	Hóa học 10_1 Trần Thị Hằng (H5.302)	Lịch sử 1 Lưu Thị Thuỷ (H5.102)	Địa lý 10_1 Nguyễn Thị Ái Vân (H5.402)	Hóa học 10_1 Trần Thị Hằng (H5.302)	Sinh học 10_1 Lê Thị Thảo (H5.304)	
		2														Vật lý 1 Nguyễn Hoài Anh (H5.102)				
		3						Địa lý 10_1 Dương Thị Hồng (H5.204)	Công nghệ 10_1 Phan Thanh Đạt (H5.301)	Toán 10_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)		Sinh học 10_1 Lê Thị Thảo (H5.201)	Toán 10_1 Hà Thị Duyên (H5.307)	CCĐ Hóa học 10_1 Trần Thị Hằng (H5.401)	Ngữ văn 10_1 Tạ Thị Bích Hồng (H5.302)		Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.402)	Ngữ văn 10_1 Tạ Thị Bích Hồng (H5.302)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.304)	Lịch sử 1 Lê Thị Quyên (H5.103)
		4						Sinh học 10_1 Lê Thị Thảo (H5.204)		Địa lý 10_1 Không Thị An Giang (H5.306)		Địa lý 10_1 Trần Thị Thanh Hóa (H5.201)	CCĐ Toán 10_1 Hà Thị Duyên (H5.307)	Toán 10_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.401)	Vật lý 10_1 Nguyễn Thị Vân (H5.302)		Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.402)	Vật lý 10_1 Nguyễn Thị Vân (H5.302)		
		5						CCĐ Hóa học 10_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	Lịch sử 10_1 Lê Thị Quyên (H5.301)		Vật lý 1 Nguyễn Thị Vân (H5.103)	Sinh học 10_1 Lê Thị Thảo (H5.201)	CCĐ Hóa học 10_1 Nguyễn Thu Trang (H5.307)		Địa lý 10_1 Trần Thị Thanh Hóa (H5.302)		Toán 10_1 Hà Thị Duyên (H5.402)	Địa lý 10_1 Trần Thị Thanh Hóa (H5.302)	Địa lý 10_1 Dương Thị Hồng (H5.304)	Vật lý 1 Nguyễn Thị Vân (H5.103)
	Chiều	6	Tin học Lê Sơn Thảo (H3.210_TH Tin Ứng dụng)			Tin học Lê Sơn Thảo (H3.210_TH Tin Ứng dụng)	Tin học Lê Sơn Thảo (H3.210_TH Tin Ứng dụng)	Giáo dục chính trị Lương Thị Ngọc Hà (H3.205)		Giáo dục Quốc phòng và An ninh Chu Văn Quang (Nhà thi đấu_01)			Tin học Phan Hoàng Lan (H2.102_TH Tin Ứng dụng)				Giáo dục chính trị Lê Thanh Tâm (H3.103)		Giáo dục Quốc phòng và An ninh Nguyễn Văn Thành (Nhà thi đấu_02)	
		7																		
		8																		
		9																		
		10																		

LỚP			64CQM1	64CS1	64CTM1	64CTT1	64CVP1	64TCCT1	64TCK1	64TCK2	64TCT1A	64TĐC1	64TĐC2	64TĐH1	64TĐL1	64TĐL1A	64TĐP1	64TĐT1	64TĐT2	64TGK1A + 63TMX
THỨ	BUỔI	TIẾT																		
Thứ 5 26/09	Sáng	1	Tin học Lê Sơn Thảo (H3.210_TH Tin Ứng dụng)	Tách: Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 1-1-1-2024(N02) Nguyễn Quang Tiến (X11.209_TH Động cơ + SẢNH TẦNG 2) Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 1-1-1-24(N01) Dương Mạnh Hà (X11.208.PHÒNG HỌC CƠ KHÍ ĐỘNG CƠ - 1 + SẢNH TẦNG 2)		Tin học Lê Sơn Thảo (H3.210_TH Tin Ứng dụng)	Tin học Lê Sơn Thảo (H3.210_TH Tin Ứng dụng)	Ngữ văn 10_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)	CCĐ Vật lý 10_1 Chu Thị Tính (H5.301)	Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.306)	Toán 1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.103)	Công nghệ 10_1 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.201)	CCĐ Vật lý 10_1 Phạm Thanh Mai (H5.307)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.401)	CCĐ Hóa học 10_1 Trần Thị Hằng (H5.302)	Lịch sử 1 Lưu Thị Thuỷ (H5.102)	CCĐ Toán 10_1 Hà Thị Duyên (H5.402)	CCĐ Hóa học 10_1 Trần Thị Hằng (H5.302)	Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.304)	Toán 1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.103)
		2						Hóa học 10_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.301)			Toán 10_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.201)	Hóa học 10_1 Nguyễn Thu Trang (H5.307)	Hóa học 10_1 Trần Thị Hằng (H5.401)	Công nghệ 10_1 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.302)	Toán 1 Hà Thị Duyên (H5.102)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.402)	Công nghệ 10_1 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.302)		
		3							CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.301)	CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)									Sinh học 10_1 Lê Thị Thảo (H5.304)	
		4						HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Thu Hà (H5.301)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	Ngữ Văn 1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.103)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.201)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thu Trang (H5.307)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.401)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Vân (H5.302)		HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Trần Thị Hằng (H5.402)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Vân (H5.302)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.304)	Ngữ Văn 1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.103)
		5									Toán 1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.103)									Toán 1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.103)
	Chiều	6						Pháp luật Lê Thanh Tâm (H3.105)	Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim (Nhà thi đấu_01)	Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức (Nhà thi đấu_02)		Tin học Phùng Ngọc Hùng (H2.203_TH Tin Đại cương)	Tin học Phan Hoàng Lan (H2.102_TH Tin Ứng dụng)	Tin học Kim Thị Thương (H3.209.TH Tin học)	Tiếng Anh 1 Trịnh Thị Kim Thu (H3.101)			Tiếng Anh 1 Triệu Văn Dũng (H3.104)	Pháp luật Lương Thị Ngọc Hà (H3.205)	
		7																		
		8																		
		9																		
		10																		
Thứ 6 27/09	Sáng	1		Tách: Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 1-1-1-2024(N02) Nguyễn Quang Tiến (X11.209_TH Động cơ + SẢNH TẦNG 2) Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 1-1-1-24(N01) Dương Mạnh Hà (X11.208.PHÒNG HỌC CƠ KHÍ ĐỘNG CƠ - 1 + SẢNH TẦNG 2)												Tiếng Anh 1 Hà Ngọc Tân (H3.104)	Pháp luật Lương Thị Ngọc Hà (H5.102)	Tiếng Anh 1 Triệu Văn Dũng (H3.105)	Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim (Nhà thi đấu_01)	Tiếng Anh 1 Hà Ngọc Tân (H3.104)
		2																		
		3																		
		4																		
		5																		
	Chiều	6	Tin học Lê Sơn Thảo (H3.210_TH Tin Ứng dụng)			Tin học Lê Sơn Thảo (H3.210_TH Tin Ứng dụng)	Tin học Lê Sơn Thảo (H3.210_TH Tin Ứng dụng)	Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức (Nhà thi đấu_01)	Giáo dục chính trị Lê Thanh Tâm (H3.105)	Giáo dục Quốc phòng và An ninh Chu Văn Quang (Nhà thi đấu_02)	Tiếng Anh 1 Nguyễn Thị Nhàn (H3.106)	Tin học Phùng Ngọc Hùng (H2.203_TH Tin Đại cương)		Tin học Kim Thị Thương (H3.209.TH Tin học)	Tiếng Anh 1 Trịnh Thị Kim Thu (H3.101)		Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim (Nhà thi đấu_03)		Giáo dục Quốc phòng và An ninh Nguyễn Văn Thành ()	
		7																		
		8																		
		9																		
		10																		
Thứ 7 28/09	Sáng	1																		
		2																		
		3																		
		4																		
		5																		
	Chiều	6																		
		7																		
		8																		
		9																		
		10																		

BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2024-2025

Tuần 9: Từ 23/09 Đến 29/09/2024

LỚP / THỨ	BUỔI	TIẾT	64TKT1	64TKT2	64TLĐ1A	64TLG1	64TLG1A	64TMT1	64TQM1	64TQM1A	64TQM2	64TQM3	64TQM4	64TS1	64TS2	64TVP1	64TVP2	64TVP3	64TVP4
Thứ 2 23/09	Sáng	1	Toán 10_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.204)	Toán 10_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.401)	Ngữ Văn 1 Nguyễn Thị Thanh Thùy (H5.102)	Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.303)	Toán 1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.103)	Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.303)	Lịch sử 10_1 Lê Thị Quyên (H5.201)	Ngữ Văn 1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.104)	Công nghệ 10_1 Nguyễn Văn Bảy (H5.307)	Toán 10_1 Nguyễn Văn Trường (H5.203)	Toán 10_1 Nguyễn Văn Trường (H5.203)	Vật lý 10_1 Nguyễn Hoài Anh (H5.304)	Toán 10_1 Hà Thị Duyên (H5.402)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.301)	Ngữ văn 10_1 Trần Thị Kim Liên (H5.306)	Hóa học 10_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.403)	Hóa học 10_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.403)
		2		Công nghệ 10_1 Phan Thanh Đạt (H5.401)		Ngữ văn 10_1 Trần Thị Kim Liên (H5.303)		Ngữ văn 10_1 Trần Thị Kim Liên (H5.303)	CCĐ Hóa học 10_1 Nguyễn Thị Tuyên (H5.201)								CCĐ Vật lý 10_1 Nguyễn Thị Vân (H5.306)	Lịch sử 10_1 Lê Thị Quyên (H5.403)	Lịch sử 10_1 Lê Thị Quyên (H5.403)
		3	Lịch sử 10_1 Lưu Yến Ngọc (H5.204)				Vật lý 1 Nguyễn Thị Vân (H5.103)		Công nghệ 10_1 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.201)		Vật lý 10_1 Phạm Thanh Mai (H5.307)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.203)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.203)	CCĐ Vật lý 10_1 Nguyễn Hoài Anh (H5.304)	Hóa học 10_1 Trần Thị Hằng (H5.402)	Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.301)	Công nghệ 10_1 Hồ Sĩ Khương (H5.306)	CCĐ Vật lý 10_1 Chu Thị Tính (H5.403)	CCĐ Vật lý 10_1 Chu Thị Tính (H5.403)
		4	Công nghệ 10_1 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.204)	Vật lý 10_1 Phạm Thanh Mai (H5.401)		Công nghệ 10_1 Phan Thanh Đạt (H5.303)		Công nghệ 10_1 Phan Thanh Đạt (H5.303)	CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.201)		Toán 10_1 Hà Thị Duyên (H5.307)	Vật lý 10_1 Nguyễn Hoài Anh (H5.203)	Vật lý 10_1 Nguyễn Hoài Anh (H5.203)	Lịch sử 10_1 Lưu Yến Ngọc (H5.304)		Vật lý 10_1 Chu Thị Tính (H5.301)		Toán 10_1 Nguyễn Văn Trường (H5.403)	Toán 10_1 Nguyễn Văn Trường (H5.403)
		5				CCĐ Hóa học 10_1 Nguyễn Thị Tuyên (H5.303)		CCĐ Hóa học 10_1 Nguyễn Thị Tuyên (H5.303)	Toán 10_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.201)	Lịch sử 1 Lưu Yến Ngọc (H5.104)				Công nghệ 10_1 Hồ Sĩ Khương (H5.304)	CCĐ Hóa học 10_1 Trần Thị Hằng (H5.402)		Lịch sử 10_1 Lê Thị Quyên (H5.306)		
	Chiều	6	Giáo dục Quốc phòng và An ninh Chu Văn Quang (Nhà thi đấu_01)	Tách: Tin học-1-1-2024(N34) Lê Sơn Thảo (H3.210_TH Tin Ứng dụng) Tin học-1-1-24(N12) Lê Xuân Chung (H3.211_TH Tin Đại cương)	Tin học Hoàng Tùng (H2.102_TH Tin Ứng dụng)		Tiếng Anh 1 Nguyễn Thị Nhàn (H3.101)		Tin học Lê Thị Châm (H2.203_TH Tin Đại cương)	Tách: Tin học-1-1-2024(N33) Nguyễn Tuấn Mạnh (H3.203_TH Máy tính) Tin học-1-1-24(N32) Quách Thu Thảo (H3.209.TH Tin học)	Tin học Tạ Văn Khoa (H3.111_TH THCB)			Giáo dục chính trị Lê Thanh Tâm (H3.106)	Giáo dục Quốc phòng và An ninh Nguyễn Văn Thành (Nhà thi đấu_03)	Giáo dục Quốc phòng và An ninh Nguyễn Tiến Sỹ (Nhà thi đấu_02)	Giáo dục chính trị Lương Thị Ngọc Hà (H3.105)		
		7																	
		8																	
		9																	
		10																	
Thứ 3 24/09	Sáng	1	Sinh học 10_1 Lê Thị Thảo (H5.204)	Lịch sử 10_1 Lưu Yến Ngọc (H5.401)	Toán 1 Hà Thị Duyên (H5.102)	Ngữ văn 10_1 Trần Thị Kim Liên (H5.303)	Tiếng Anh 1 Nguyễn Thị Nhàn (H3.105)	Ngữ văn 10_1 Trần Thị Kim Liên (H5.303)	Hóa học 10_1 Nguyễn Thị Tuyên (H5.201)	Ngữ Văn 1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.104)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Văn Bảy (H5.307)	Toán 10_1 Nguyễn Văn Trường (H5.203)	Toán 10_1 Nguyễn Văn Trường (H5.203)	Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.304)	Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.402)	Địa lý 10_1 Dương Thị Hồng (H5.301)	Toán 10_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.403)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.403)
		2		Địa lý 10_1 Trần Thị Thanh Hóa (H5.401)		Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.303)		Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.303)		Toán 1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.104)	Vật lý 10_1 Phạm Thanh Mai (H5.307)	CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Văn Trường (H5.203)	CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Văn Trường (H5.203)	Công nghệ 10_1 Hồ Sĩ Khương (H5.304)			Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.306)	Địa lý 10_1 Nguyễn Thị Ái Vân (H5.403)	Địa lý 10_1 Nguyễn Thị Ái Vân (H5.403)
		3	Địa lý 10_1 Dương Thị Hồng (H5.204)			CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.303)		CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.303)	Sinh học 10_1 Lê Thị Thảo (H5.201)	Hóa học 1 Nguyễn Thu Trang (H5.104)	Lịch sử 10_1 Lưu Yến Ngọc (H5.307)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.203)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.203)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.304)	Lịch sử 10_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.402)	Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.301)			
		4	CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.204)	CCĐ Vật lý 10_1 Phạm Thanh Mai (H5.401)	Lịch sử 1 Lưu Thị Thuỷ (H5.102)	Lịch sử 10_1 Lưu Yến Ngọc (H5.303)		Lịch sử 10_1 Lưu Yến Ngọc (H5.303)	Địa lý 10_1 Trần Thị Thanh Hóa (H5.201)	Toán 1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.104)	Địa lý 10_1 Nguyễn Thị Ái Vân (H5.307)				Công nghệ 10_1 Hồ Sĩ Khương (H5.402)	Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.301)	Ngữ văn 10_1 Trần Thị Kim Liên (H5.306)	Toán 10_1 Nguyễn Văn Trường (H5.403)	Toán 10_1 Nguyễn Văn Trường (H5.403)
		5	Toán 10_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.204)	CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.401)		Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.303)		Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.303)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Thanh Thùy (H5.201)	Hóa học 1 Nguyễn Thu Trang (H5.104)		Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.203)	Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.203)	CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.304)		Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.301)		CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Văn Trường (H5.403)	CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Văn Trường (H5.403)
	Chiều	6	Giáo dục Quốc phòng và An ninh Chu Văn Quang (Nhà thi đấu_01)	Tách: Tin học-1-1-2024(N34) Lê Sơn Thảo (H3.210_TH Tin Ứng dụng) Tin học-1-1-24(N12) Lê Xuân Chung (H3.211_TH Tin Đại cương)		Tách: Tin học-1-1-2024(N35) Lê Hoàng (H3.110_TH THCB) Tin học-1-1-24(N13) Nguyễn Tuấn Hưng (H2.102_TH Tin Ứng dụng)	Ngữ Văn 1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.101)		Tin học Lê Thị Châm (H2.203_TH Tin Đại cương)	Ktra: Tin học-1-1-24(N32) Quách Thu Thảo (H3.209.TH Tin học)	Tin học Tạ Văn Khoa (H3.111_TH THCB)				Giáo dục Quốc phòng và An ninh Nguyễn Văn Thành (Nhà thi đấu_03)	Giáo dục Quốc phòng và An ninh Nguyễn Tiến Sỹ (Nhà thi đấu_02)	Pháp luật Lê Thanh Tâm (H3.105)		
		7																	
		8																	
		9																	
		10																	
Thứ 4 25/09	Sáng	1	Ngữ văn 10_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.401)	Lịch sử 1 Lưu Thị Thuỷ (H5.102)	Địa lý 10_1 Khổng Thị An Giang (H5.303)	Lịch sử 1 Lê Thị Quyên (H5.103)	Địa lý 10_1 Khổng Thị An Giang (H5.303)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Thanh Thùy (H5.201)	Toán 1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.106)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.307)	CCĐ Vật lý 10_1 Nguyễn Hoài Anh (H5.203)	CCĐ Vật lý 10_1 Nguyễn Hoài Anh (H5.203)	Sinh học 10_1 Lê Thị Thảo (H5.304)	Địa lý 10_1 Nguyễn Thị Ái Vân (H5.402)	Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.301)	Vật lý 10_1 Nguyễn Thị Vân (H5.306)	Công nghệ 10_1 Nguyễn Văn Bảy (H5.403)	Công nghệ 10_1 Nguyễn Văn Bảy (H5.403)
		2			Vật lý 1 Nguyễn Hoài Anh (H5.102)							Lịch sử 10_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.203)	Lịch sử 10_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.203)						
		3	Địa lý 10_1 Dương Thị Hồng (H5.204)	CCĐ Hóa học 10_1 Trần Thị Hằng (H5.401)		Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.303)		Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.303)	Sinh học 10_1 Lê Thị Thảo (H5.201)	Hóa học 1 Nguyễn Thu Trang (H5.106)	Toán 10_1 Hà Thị Duyên (H5.307)	Địa lý 10_1 Nguyễn Thị Ái Vân (H5.203)	Địa lý 10_1 Nguyễn Thị Ái Vân (H5.203)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.304)	Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.402)	Công nghệ 10_1 Phan Thanh Đạt (H5.301)	Toán 10_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.403)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.403)
		4	Sinh học 10_1 Lê Thị Thảo (H5.204)	Toán 10_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.401)					Địa lý 10_1 Trần Thị Thanh Hóa (H5.201)		CCĐ Toán 10_1 Hà Thị Duyên (H5.307)			Địa lý 10_1 Dương Thị Hồng (H5.304)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.402)		Địa lý 10_1 Khổng Thị An Giang (H5.306)	Hóa học 10_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.403)	Hóa học 10_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.403)
		5	CCĐ Hóa học 10_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)			Công nghệ 10_1 Phan Thanh Đạt (H5.303)	Vật lý 1 Nguyễn Thị Vân (H5.103)	Công nghệ 10_1 Phan Thanh Đạt (H5.303)	Sinh học 10_1 Lê Thị Thảo (H5.201)	Toán 1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.106)	CCĐ Hóa học 10_1 Nguyễn Thu Trang (H5.307)	Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.203)	Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.203)		Toán 10_1 Hà Thị Duyên (H5.402)	Lịch sử 10_1 Lê Thị Quyên (H5.301)		Địa lý 10_1 Nguyễn Thị Ái Vân (H5.403)	Địa lý 10_1 Nguyễn Thị Ái Vân (H5.403)
	Chiều	6	Giáo dục chính trị Lương Thị Ngọc Hà (H3.205)		Tin học Hoàng Tùng (H3.209.TH Tin học)	Tách: Tin học-1-1-2024(N35) Lê Hoàng (H3.110_TH THCB) Tin học-1-1-24(N13) Nguyễn Tuấn Hưng (H3.203_TH Máy tính)			Tin học Lê Thị Châm (H2.203_TH Tin Đại cương)		Tin học Tạ Văn Khoa (H3.111_TH THCB)	Tiếng Anh 1 Triệu Văn Dũng (H3.101)	Tiếng Anh 1 Nguyễn Hồng Yên (H3.104)	Giáo dục Quốc phòng và An ninh Nguyễn Văn Thành (Nhà thi đấu_02)	Giáo dục chính trị Lê Thanh Tâm (H3.103)	Giáo dục Quốc phòng và An ninh Chu Văn Quang (Nhà thi đấu_01)	Tiếng Anh 1 Trần Thu Hường (H3.106)	Tiếng Anh 1 Nguyễn Thị Thu Hương (H3.105)
		7																	
		8																	
		9																	
		10																	

LỚP			64TKT1	64TKT2	64TLĐ1A	64TLG1	64TLG1A	64TMT1	64TQM1	64TQM1A	64TQM2	64TQM3	64TQM4	64TS1	64TS2	64TVP1	64TVP2	64TVP3	64TVP4
THỨ	BUỔI	TIẾT																	
Thứ 5 26/09	Sáng	1	Ngữ văn 10_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.401)	Lịch sử 1 Lưu Thị Thuỷ (H5.102)	Hóa học 10_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.303)	Toán 1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.103)	Hóa học 10_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.303)	Công nghệ 10_1 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.201)		CCĐ Vật lý 10_1 Phạm Thanh Mai (H5.307)	Công nghệ 10_1 Nguyễn Văn Bảy (H5.203)	Công nghệ 10_1 Nguyễn Văn Bảy (H5.203)	Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.304)	CCĐ Toán 10_1 Hà Thị Duyên (H5.402)	CCĐ Vật lý 10_1 Chu Thị Tính (H5.301)	Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.306)	CCĐ Hóa học 10_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.403)	CCĐ Hóa học 10_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.403)
		2	Hóa học 10_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	Hóa học 10_1 Trần Thị Hằng (H5.401)	Toán 1 Hà Thị Duyên (H5.102)				Toán 10_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.201)		Hóa học 10_1 Nguyễn Thu Trang (H5.307)				Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.402)	Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.301)			
		3				Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.303)		Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.303)				Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.203)	Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.203)	Sinh học 10_1 Lê Thị Thảo (H5.304)		CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.301)	CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	Vật lý 10_1 Chu Thị Tính (H5.403)	Vật lý 10_1 Chu Thị Tính (H5.403)
		4	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thuý Ngọc (H5.401)		HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Lưu Yến Ngọc (H5.303)	Ngữ Văn 1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.103)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Lưu Yến Ngọc (H5.303)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.201)		HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thu Trang (H5.307)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Hợp (H5.203)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Hợp (H5.203)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.304)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Trần Thị Hằng (H5.402)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Thu Hà (H5.301)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Chu Thị Tính (H5.403)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Chu Thị Tính (H5.403)
		5					Toán 1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.103)												
	Chiều	6	Pháp luật Lê Thanh Tâm (H3.105)		Tin học Hoàng Tùng (H3.210_TH Tin Ứng dụng)	Tách: Tin học-1-1-2024(N35) Lê Hoàng (H3.110_TH THCB) Tin học-1-1-24(N13) Nguyễn Tuấn Hưng (H3.203_TH Máy tính)		Tin học Kim Thị Thương (H3.209.TH Tin học)		Lịch sử 1 Lưu Yến Ngọc (H5.407)			Tiếng Anh 1 Nguyễn Hồng Yên (H3.103)	Pháp luật Lương Thị Ngọc Hà (H3.205)		Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim (Nhà thi đấu_01)	Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức (Nhà thi đấu_02)	Tiếng Anh 1 Trần Thu Hường (H3.106)	
		7																	
		8																	
		9								Toán 1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.407)									
		10																	
Thứ 6 27/09	Sáng	1												Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim (Nhà thi đấu_01)	Pháp luật Lương Thị Ngọc Hà (H5.102)			Tiếng Anh 1 Trần Thu Hường (H3.101)	Tiếng Anh 1 Nguyễn Thị Thu Hương (H3.103)
		2																	
		3																	
		4																	
		5																	
	Chiều	6	Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức (Nhà thi đấu_01)				Tiếng Anh 1 Nguyễn Thị Nhàn (H3.106)	Tin học Kim Thị Thương (H3.209.TH Tin học)				Tiếng Anh 1 Triệu Văn Dũng (H3.103)	Tiếng Anh 1 Nguyễn Hồng Yên (H3.104)	Giáo dục Quốc phòng và An ninh Nguyễn Văn Thành ()	Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim (Nhà thi đấu_03)	Giáo dục chính trị Lê Thanh Tâm (H3.105)	Giáo dục Quốc phòng và An ninh Chu Văn Quang (Nhà thi đấu_02)		
		7																	
		8																	
		9																	
		10																	
Thứ 7 28/09	Sáng	1																	
		2																	
		3																	
		4																	
		5																	
	Chiều	6																	
		7																	
		8																	
		9																	
		10																	